

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Tháng 7 năm 2023

Tăng trưởng GDP quý II tốt hơn kỳ vọng củng cố niềm tin của thị trường

Nguyễn Thị Hòa, hoant@acbs.com.vn

Kinh tế Việt Nam đã được cải thiện trong quý II với GDP quý II tăng 4,14% so với cùng kỳ, nâng mức tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm lên 3,72% từ mức 3,28% trong quý đầu tiên. Chỉ số PMI trong tháng Sáu tăng nhẹ lên 46,2 nhưng vẫn dưới ngưỡng 50 trong khi IIP chỉ tăng 2% so với tháng trước và 2,8% so với cùng kỳ. Đầu tư công được đẩy mạnh với vốn giải ngân tháng Sáu tăng 17,3% so với tháng trước, đạt 33% kế hoạch. Doanh số bán lẻ và các dịch vụ khác tiếp tục tăng trong tháng Sáu trong bối cảnh lượng khách quốc tế đến Việt Nam tiếp tục tăng mạnh. Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng trưởng chậm nhưng cán cân thương mại đạt thặng dư 12,25 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm 2023. Trên thị trường tiền tệ, lãi suất liên ngân hàng giảm mạnh sau khi Ngân hàng Nhà nước cắt giảm lãi suất điều hành bốn lần kể từ đầu năm nhưng tín dụng vẫn tăng chậm ở mức 3,13% (tính đến ngày 20/6/2023) cho thấy khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế còn yếu. Trên quan điểm thận trọng, chúng tôi nâng dự báo tăng trưởng GDP cả năm 2023 của Việt Nam lên 5,2% nhờ tăng trưởng của khu vực dịch vụ và sự phục hồi của khu vực công nghiệp và xây dựng trong nửa cuối năm nay.

Thị trường chứng khoán Việt Nam trải qua một tháng giao dịch sôi động với chỉ số VNIndex tăng 4,2% lên 1.120 điểm vào cuối tháng Sáu sau khi đạt mức cao nhất kể từ đầu năm 2023 là 1.141 điểm và thanh khoản toàn thị trường cải thiện mạnh với giá trị giao dịch bình quân ngày tăng 38,5% so với tháng trước. Tuy nhiên, nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng trên VNIndex trong tháng Sáu với giá trị ròng là 15,3 triệu USD làm đảo ngược giá trị ròng từ đầu năm thành bán ròng 12,7 triệu USD. Trên thế giới, Fed tạm dừng 10 lần tăng lãi suất liên tiếp bằng cách giữ nguyên Fed Funds Rate ở mức 5% - 5,25% trong cuộc họp tháng Sáu nhưng phát đi tín hiệu tăng lãi suất mục tiêu lên 5,6% vào cuối năm nếu nền kinh tế và lạm phát không tiếp tục chậm lại, trong khi các ngân hàng trung ương ở châu Âu tiếp tục tăng lãi suất chủ chốt để đưa lạm phát về mức mục tiêu. Tại Việt Nam, Quốc hội khóa XV đã thông qua 8 Luật và 17 Nghị quyết có nhiều tác động tích cực đến nền kinh tế, kết hợp với việc NHNN cắt giảm lãi suất chủ chốt kéo theo lãi suất huy động giảm khá mạnh đã kích thích dòng tiền nhàn rỗi chảy vào thị trường chứng khoán.

P/E của VNIndex cuối tháng Sáu ở mức 13,8, thấp hơn mức trung bình 14,3 của các thị trường ASEAN, thấp hơn 14% so với trung bình 10 năm và thấp hơn 22% so với trung bình 3 năm. Trên quan điểm thận trọng, chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng EPS của VNIndex trong năm 2023 sẽ đạt 7,9% nhờ tăng trưởng của nhóm vận tải, ngân hàng, nguyên vật liệu và dịch vụ tài chính sẽ mang lại mức định giá VNIndex hấp dẫn để tích lũy cổ phiếu cho các nhà đầu tư. Chúng tôi cũng kỳ vọng rằng sẽ có dòng tiền nhàn rỗi mới chuyển sang thị trường chứng khoán trong bối cảnh lãi suất huy động giảm và thị trường trái phiếu doanh nghiệp ảm đạm, điều này có thể thấy qua lượng tài khoản mở mới tăng mạnh trong hai tháng gần đây. Lãi suất thấp cũng có thể cải thiện lợi nhuận của các công ty sử dụng nợ cao và thúc đẩy mở rộng kinh doanh bằng cách tăng đòn bẩy để nắm bắt cơ hội trong bối cảnh nhu cầu yếu từ cả thị trường bên trong và bên ngoài. Các yếu tố tích cực khác của thị trường là việc triển khai hệ thống giao dịch KRX đang trong giai đoạn thử nghiệm và chính phủ sẽ đẩy mạnh hơn nữa giải ngân đầu tư công. Các lo ngại hiện tại của nhà đầu tư chủ yếu đến từ bên ngoài với lo ngại suy thoái do giá cả cao kéo dài và lãi suất tiếp tục tăng, bất ổn địa chính trị thế giới và sự dịch chuyển của dòng vốn đầu tư nước ngoài.

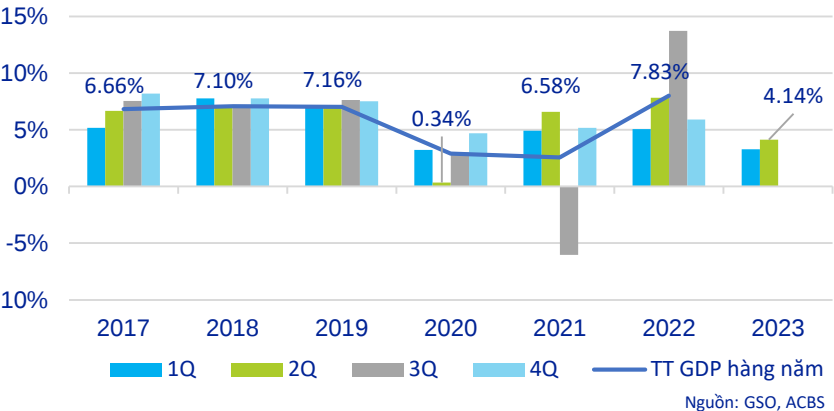
1. Kinh tế vĩ mô
2. Thị trường vốn
3. Chủ đề thời sự
4. Tóm tắt ngành



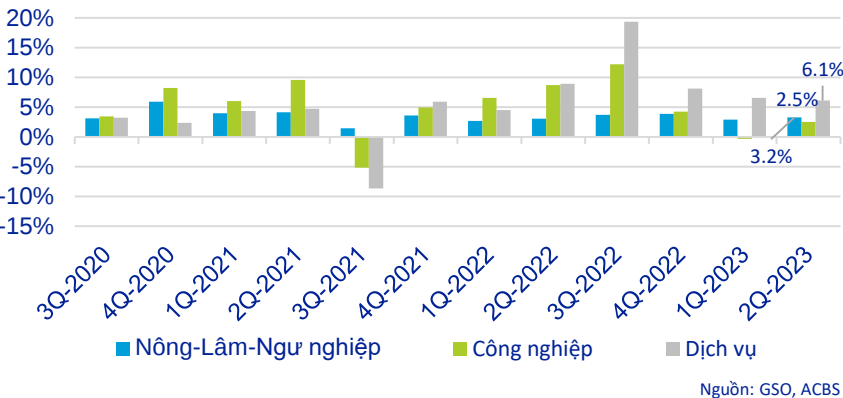
- ❖ Giá xăng tăng khoảng 2,4% và giá dầu diesel tăng 1,2% trong tháng 06/2023.
- ❖ Ngày 16/06/2022, Quốc hội khóa 15 đã ban hành Nghị quyết số 57 thông qua chủ trương đầu tư Dự án Vành đai 3 TP.HCM có tổng chiều dài 76.34 km, đi qua bốn địa phương bao gồm: đoạn qua TP.HCM 47.51 km; Đồng Nai 11.26 km; Bình Dương 10.76 km và Long An 6.81 km.
- ❖ Quốc Hội khóa XV đã thông qua 8 Luật, 17 Nghị quyết, trong đó có Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Luật đấu thầu (sửa đổi), Luật giá (sửa đổi), Luật giao dịch điện tử (sửa đổi), Nghị quyết 98 về việc thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện việc giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023.
- ❖ Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục cắt giảm lãi suất điều hành lần thứ tư kể từ đầu năm 2023, trong đó từ ngày 19/6/2023 áp dụng giảm đồng loạt các lãi suất sau: Lãi suất thanh toán điện tử liên ngân hàng qua đêm và lãi suất cho vay bù đắp thiếu hụt vốn thanh toán bù trừ của NHNN đối với các tổ chức tín dụng từ 5,5% về 5%, Lãi suất tái cấp vốn từ 5% về 4,5%, Lãi suất tái chiết khấu từ 3,5% về 3%, Lãi suất tiền gửi tối đa bằng VND đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng từ 5% về 4,75%, Lãi suất tối đa tiền gửi bằng VND đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng tại Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô từ 5,5% còn 5,25%, Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn cho một số lĩnh vực, ngành kinh tế từ 4,5% về 4%.
- ❖ Báo cáo về “Chính sách kinh tế vĩ mô và ngoại hối của các đối tác thương mại lớn của Hoa Kỳ” ngày 17/6/2023, Hoa Kỳ liệt 7 nền kinh tế vào danh sách giám sát, gồm: Trung Quốc, Hàn Quốc, Đức, Malaysia, Singapore, Thụy Sĩ và Đài Loan . Việt Nam vẫn nằm ngoài danh sách giám sát thao túng tiền tệ này.
- ❖ Kể từ ngày 26/06/2023, Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (MXV) đã chính thức triển khai giao dịch các Hợp đồng Quyền chọn hàng hóa trên phạm vi toàn quốc, với 8 sản phẩm quyền chọn bao gồm Ngô (CBOT), Đậu tương (CBOT), Lúa mì (CBOT), Cà phê Arabica (ICE US), Đường 11 (ICE US), Dầu thô WTI (NYMEX), Dầu thô Brent (ICE EU) và Khí tự nhiên (NYMEX).

- ❖ Ngày 29/6/2023 tại Hà Nội, đã diễn ra lễ ký biên bản bàn giao hồ sơ dự án Nhà máy điện Ô Môn 3 và Ô Môn 4 giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và PVN. Theo Quy hoạch điện VIII, Chuỗi dự án khí, điện Lô B - Ô Môn sẽ là nguồn điện quan trọng, cung cấp bổ sung cho hệ thống điện quốc gia tại khu vực miền Nam giai đoạn 2026 - 2030. Ngày 24/6/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản số 77/TTg-CN đồng ý chuyển chủ đầu tư dự án Nhà máy điện Ô Môn 3 và Ô Môn 4 từ EVN sang PVN nhằm đảm bảo tiến độ triển khai hai dự án này.
- ❖ Fed chấm dứt chuỗi 10 lần tăng lãi suất liên tiếp bằng việc giữ nguyên lãi suất liên bang không đổi ở mức 5% - 5.25% trong cuộc họp tháng Sáu nhưng phát tín hiệu sẽ tiếp tục xem xét tăng lãi suất mục tiêu lên mức 5.6% vào cuối năm nếu nền kinh tế và lạm phát không tiếp tục chậm lại.
- ❖ Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) ngày 15/6 tăng lãi suất 0,25 điểm phần trăm lên mức 3,5% và phát tín hiệu sẽ tiếp tục nâng trong cuộc họp tháng 7 kèm theo cảnh báo rằng sẽ mất nhiều thời gian để khống chế lạm phát.
- ❖ Ngân hàng Quốc gia Thụy Sĩ (SNB) đã công bố mức tăng 25 điểm cơ bản, đưa lãi suất chính sách lên 1,75% vào ngày 22 tháng Sáu. Trong cùng ngày, Ngân hàng trung ương Na Uy (Norges Bank) đã tăng lãi suất chính sách thêm 50 điểm cơ bản lên 3,75% để kiềm chế lạm phát.
- ❖ Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) đã cắt giảm lãi suất mua lại đảo ngược 7 ngày 10 điểm cơ bản từ 2% xuống 1,9% vào ngày 13 tháng 6, lần đầu tiên kể từ tháng 8 năm 2022 để thúc đẩy tăng trưởng và tiếp tục hạ lãi suất cơ bản cho vay (LPR) đối với kỳ hạn 1 năm và 5 năm lần lượt tăng 10 điểm cơ bản từ 3,65% xuống 3,55% và từ 4,3% xuống 4,2% vào ngày 21 tháng 6.

Tăng trưởng GDP theo quý

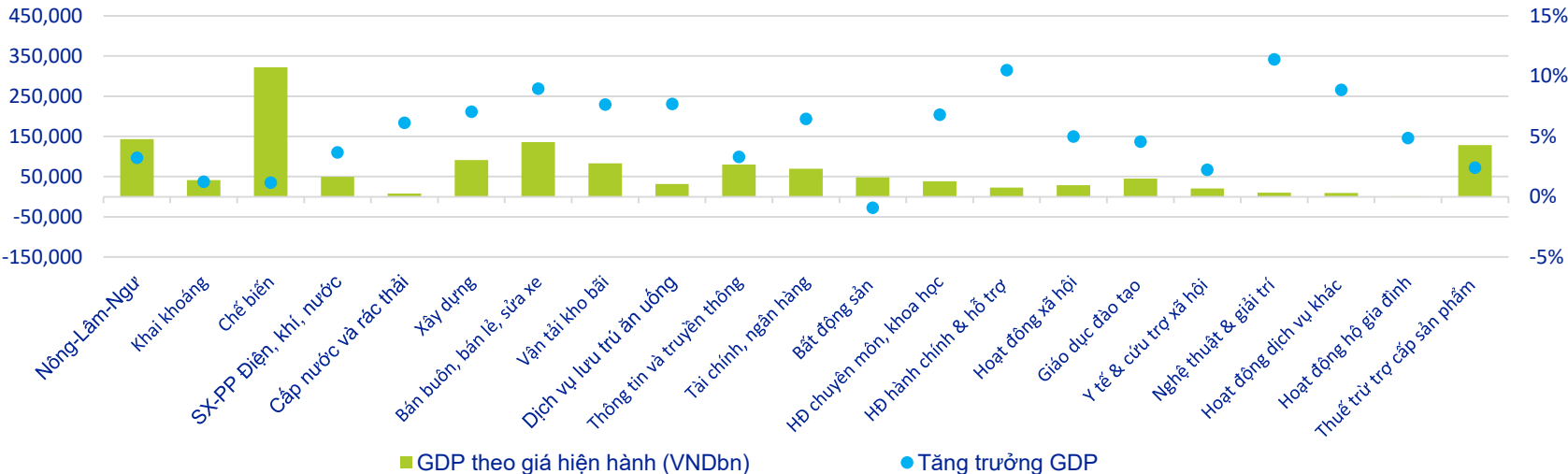


Tăng trưởng GDP theo ngành



- ❖ GDP quý II/2023 của Việt Nam tăng 4.14% y/y, cao hơn mức tăng 3.18% của quý I (đã được điều chỉnh giảm về 3.28% so với ước tính lần 1 là 3.32%) nhưng khá thấp so với GDP quý II của các năm trước (ngoại trừ mức tăng chỉ 0.34% của quý II/2020) nhờ đóng góp lớn nhất của ngành dịch vụ và sự cải thiện của ngành công nghiệp và xây dựng, trong khi ngành nông-lâm nghiệp-thủy sản duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, trong bối cảnh kinh tế toàn cầu vẫn còn đối diện với các khó khăn về tăng trưởng, trong đó Đức là nền kinh tế lớn nhất Châu Âu đã rơi vào suy thoái kỹ thuật trong quý I/2023, lạm phát tại Hoa Kỳ và EU vẫn chưa về mức mục tiêu của các nhà hoạch định chính sách.
- ❖ GDP 6 tháng đầu năm tăng 3.72%, thấp hơn mức trung bình 5.56% của cùng kỳ trong giai đoạn 2016-2022. Trong đó Tiêu dùng cuối cùng tăng 2.68%, thấp hơn mức tăng 3.01% của quý I và thấp hơn so với cùng kỳ các năm trước, tích lũy tài sản tăng 1.15%, cải thiện so với mức tăng 0.02% của quý I, xuất khẩu giảm 10% và nhập khẩu giảm 13.2%, đều giảm mạnh hơn quý I. Tỷ trọng đóng góp của tiêu dùng cuối cùng giảm trong khi tỷ trọng đóng góp của tích lũy tài sản và chênh lệch xuất nhập khẩu cải thiện so với quý trước.

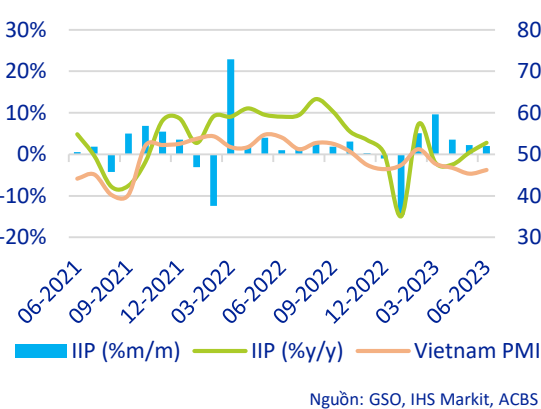
GDP theo ngành trong 2Q2023



Nguồn: GSO, ACBS

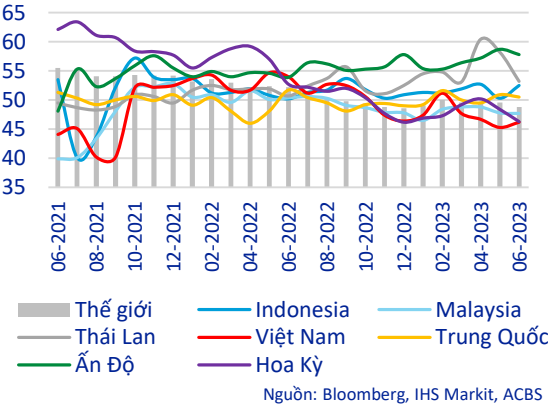
- ❖ Khu vực dịch vụ tăng trưởng 6.11% trong quý II, thấp hơn 6.56% của quý I và thấp hơn bình quân 6.34% của cùng kỳ giai đoạn 2012-2022, tuy nhiên vẫn là nhóm ngành có đóng góp lớn nhất vào GDP trong quý. Trong đó, một số ngành có tăng trưởng tốt hơn quý I là Thông tin và truyền thông, Bán buôn-bán lẻ, Vận tải-kho bãi, ngành duy nhất có tăng trưởng âm trong quý II là Kinh doanh bất động sản (-0.89% y/y).
- ❖ Ngành công nghiệp-xây dựng (+2.5% y/y) đã cải thiện so với tăng trưởng âm 0.35% của quý I, trong đó Khai khoáng, chế biến chế tạo, sản xuất phân phối điện, khí đều đạt tăng trưởng dương sau khi suy giảm trong quý I, ngành xây dựng tăng 7.05%, cao hơn trung bình 6.94% của giai đoạn 2012-2022 sau khi nhiều dự án đầu tư công được đẩy mạnh.
- ❖ Ngành nông lâm nghiệp và thủy sản tăng 3.25% trong quý II, cao hơn trung bình 2.85% của giai đoạn 2021-2022 và đóng góp 0.33% vào GDP quý II. Ngành nông nghiệp tăng trưởng 3.45% nhờ thời tiết thuận lợi, ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý nên năng suất cao hơn mặc dù diện tích lúa đông xuân giảm so với năm trước do chuyển sang đất phi nông nghiệp phục vụ đô thị hóa hoặc chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Ngành lâm nghiệp tăng 3.2% nhờ diện tích rừng trồng mới và gỗ khai thác tăng. Ngành thủy sản tăng 2.66% với sản lượng nuôi trồng và sản lượng khai thác 0.5%. Cả lâm nghiệp và thủy sản đều tăng thấp hơn bình quân giai đoạn 2012-2022.

Chỉ số IIP và PMI của Việt Nam

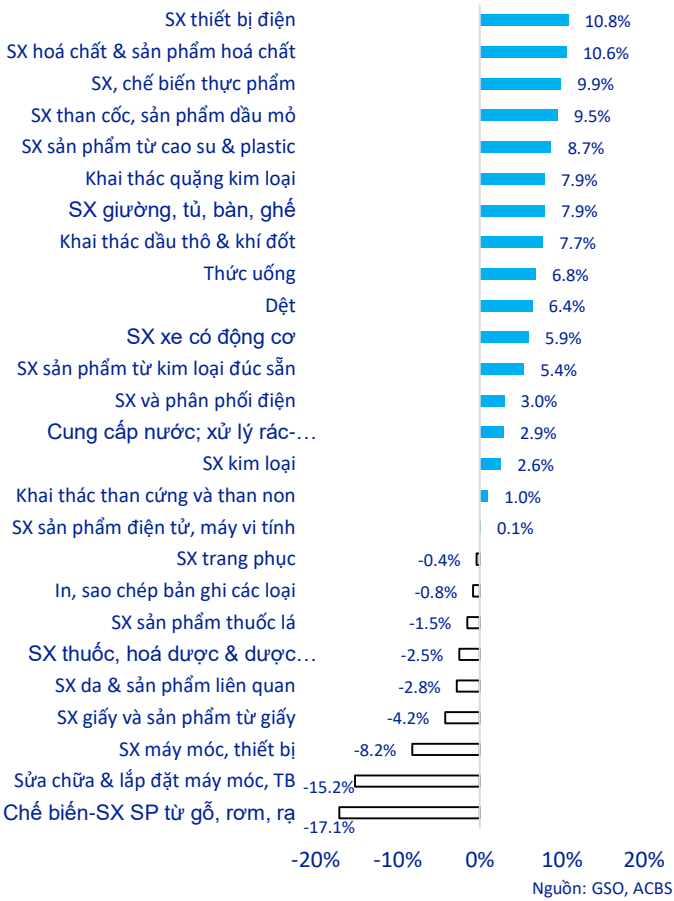


- Sản xuất công nghiệp tháng Sáu vẫn tăng chậm với IIP chỉ tăng 2% so với tháng trước và 2,8% so với cùng kỳ. Trong 6 tháng đầu năm, IIP giảm 1,2% so với cùng kỳ năm 2022, thu hẹp mức giảm so với tháng trước, trong đó ngành khai khoáng và khai thác đá (-1,7%) và ngành sản xuất (-1,6%) giảm trong khi ngành Sản xuất & cung cấp điện (+1,5%) và ngành khai thác, xử lý và cung cấp nước (+5,4%) phục hồi so với năm ngoái.
- Số lượng lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/06/2023 tăng 0,8% so với tháng trước và giảm 4,2% so với cùng kỳ, trong đó lao động tại các doanh nghiệp FDI giảm mạnh nhất (-4,7% so với cùng kỳ).
- Chỉ số PMI tháng Sáu cải thiện nhẹ lên 46,2 từ 45,3 điểm trong tháng Năm, vẫn nằm trong vùng thu hẹp do nhu cầu yếu, sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục giảm và chi phí đầu vào giảm lần đầu tiên sau ba năm. Trên toàn cầu, PMI toàn cầu giảm xuống 48,8 trong khi PMI Khu vực đồng tiền chung châu Âu, Mỹ và các nền kinh tế lớn khác ở châu Á như Úc, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc cũng giảm trong tháng 6, trong đó PMI Trung Quốc và Ấn Độ vẫn nằm trong vùng mở rộng nhưng yếu hơn tháng trước.

Chỉ số PMI Việt Nam và các nước



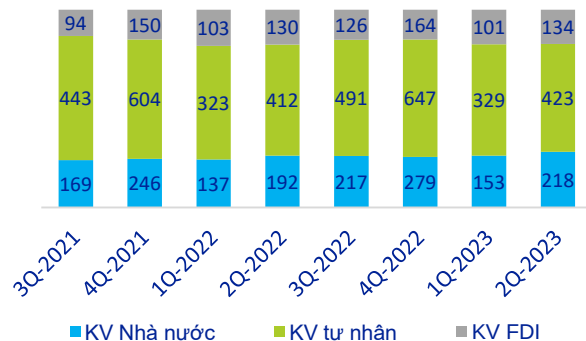
Chỉ số IIP tháng 06/2023 theo ngành



Tổng vốn đầu tư xã hội

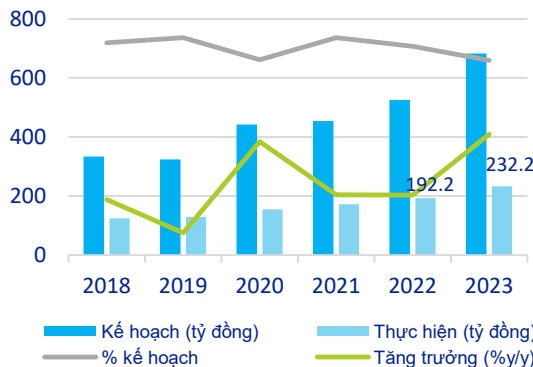
Tổng vốn đầu tư xã hội

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng



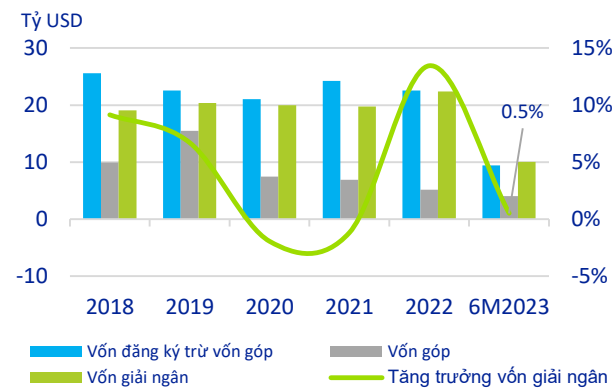
Nguồn: GSO, ACBS

Đầu tư công trong 6 tháng



Nguồn: GSO, ACBS

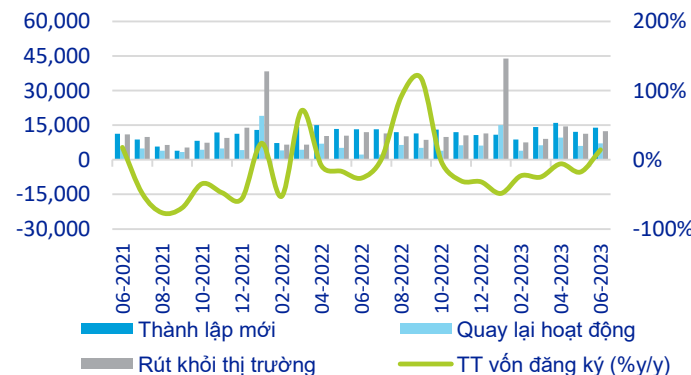
FDI theo năm



Nguồn: MPI, ACBS

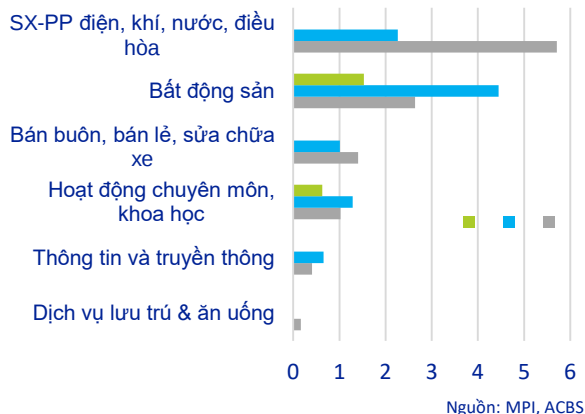
- Tổng vốn đầu tư quý II/2023 tăng 5,5% y/y, đạt 775 nghìn tỷ đồng, thấp hơn bình quân 8,9% của quý II trong giai đoạn 2017-2022. Trong đó, khu vực ngoài nhà nước (+2,7%/y) tiếp tục giữ vai trò chủ đạo khi đóng góp 54,6%, khu vực FDI (+3,2%/y) giảm tỷ trọng đóng góp xuống 17,3% và khu vực Nhà nước (+13,5% y/y) tăng tỷ trọng đóng góp lên 28,1%. Trong 6T2023 tổng vốn đầu tư đạt VND1,358tn (+4,7%).
- Giải ngân vốn đầu tư công được đẩy mạnh với số vốn giải ngân đạt 54,2 nghìn tỷ đồng trong tháng Sau (+17,3% m/m, +24,6% y/y) và 232 nghìn tỷ đồng trong 6T2023 (+20,5%), hoàn thành 30% kế hoạch được giao (thấp hơn bình quân 36,1% của giai đoạn 2017-2022). Nhiều dự án gặp khó khăn do đội vốn, thiếu vật liệu đắp đường, chậm giải phóng mặt bằng, thủ tục phức tạp. Tuy nhiên một số dự án đang được xem xét giải quyết khó khăn về vật liệu, các chính sách mới ban hành dự kiến sẽ tháo gỡ các nút thắt trong đầu tư công.
- Khởi doanh nghiệp ngoài quốc doanh có cải thiện với số doanh nghiệp thành lập mới tăng 4,8% y/y với 13,9 nghìn doanh nghiệp, tổng vốn đăng ký tăng 14,6% y/y. Tính chung 6 tháng, số doanh nghiệp đăng ký mới giảm 0,5%, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động giảm 7,4%, trong khi số doanh nghiệp rút khỏi thị trường tăng 19,7% y/y.

Tình hình hoạt động của doanh nghiệp

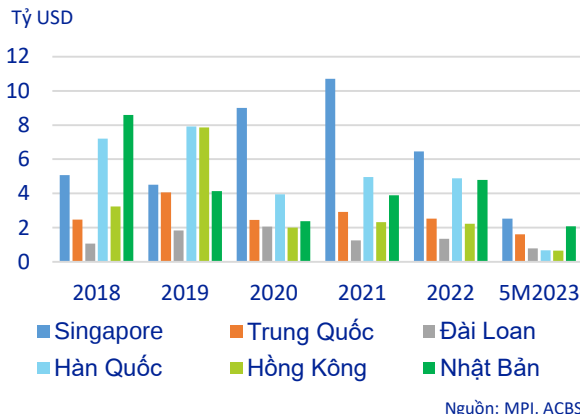


Nguồn: GSO, ACBS

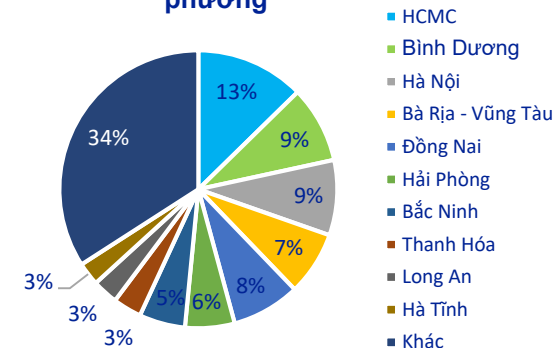
FDI theo ngành



Các đối tác FDI lớn

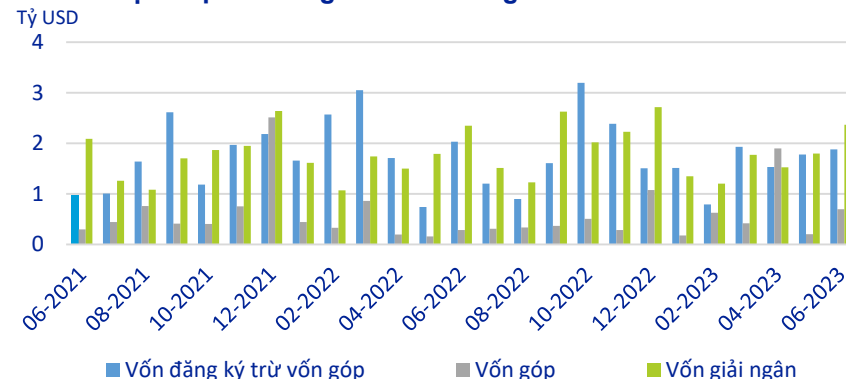


FDI lũy kế đến tháng 5/2023 theo địa phương

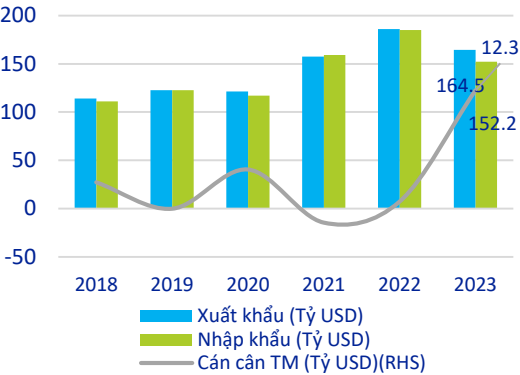


- Vốn giải ngân trong tháng Sáu tăng lên 2,37 tỷ USD (+31,7% m/m, +0,9% y/y) và đạt 10,02 tỷ USD trong 6T2023 (+0,5%).
- Vốn đăng ký trong tháng Sáu được ghi nhận là 2,57 tỷ USD (+30,1% m/m, +11% y/y) và đạt 13,43 tỷ USD trong 6T2023 (-4,3%). Trong khi đó, số lượng dự án mới trong 6T2023 tăng 72% y/y do quy mô của các dự án đăng ký mới nhỏ hơn các năm trước. Việt Nam đang cân nhắc chính sách để ứng phó với mức thuế suất tối thiểu toàn cầu 15% vốn đang là mối quan tâm lớn của các nhà đầu tư nước ngoài.
- Singapore tiếp tục là đối tác lớn nhất trong 6 tháng đầu năm 2023, tiếp theo là Nhật Bản và Trung Quốc.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài theo tháng

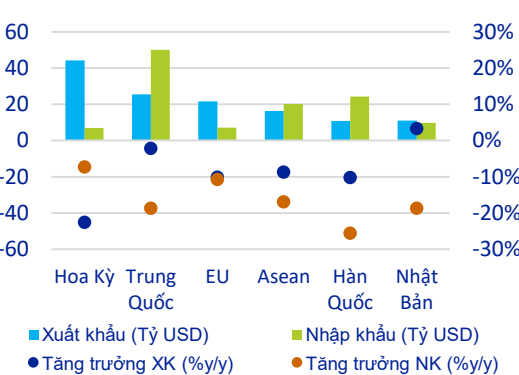


Xuất nhập khẩu trong 6 tháng



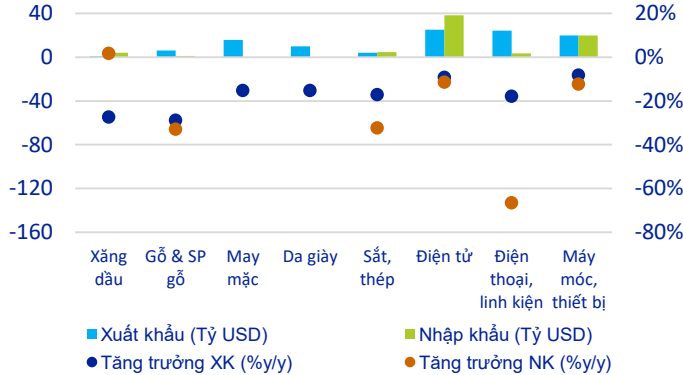
Nguồn: GSO, ACBS

Thị trường chính trong 6M2023



Nguồn: GSO, ACBS

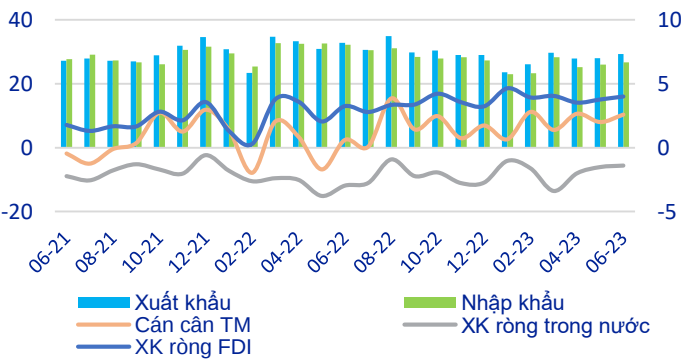
Các mặt hàng chính trong 6M2023



Nguồn: GSO, ACBS

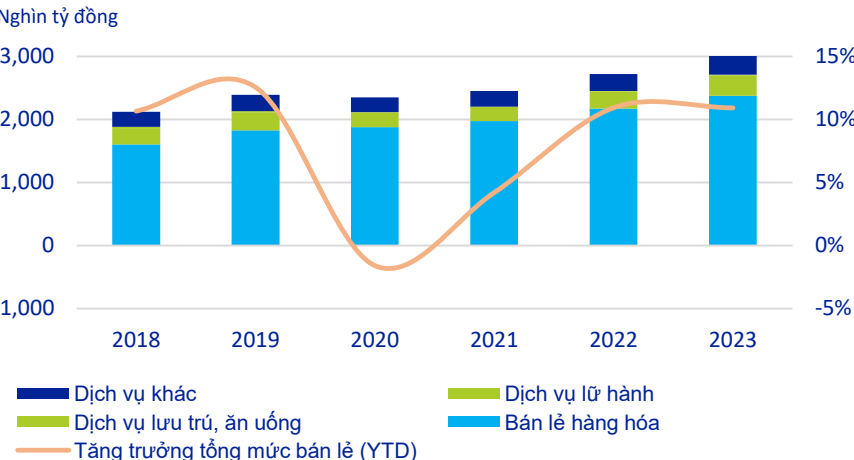
- ❖ Ngoại thương tiếp tục phục hồi nhẹ trong tháng Sáu với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước tính đạt 56 tỷ USD (+3,6% m/m, -13,9% y/y), trong đó xuất khẩu ghi nhận 29,3 tỷ USD (+4,5% m/m, -11,4% y/y) và nhập khẩu được ghi nhận ở mức 26,7 tỷ USD (+2,6% m/m, -16,9% y/y).
- ❖ Tính chung 6T2023, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu thấp hơn 14,7% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó xuất khẩu giảm 12,1% và nhập khẩu giảm 18,2%, cán cân thương mại đạt thặng dư 12,25 tỷ USD, khá cao so với cùng kỳ trong những năm trước, trong đó khối FDI đạt kỷ lục thặng dư 22,1 tỷ USD và khối doanh nghiệp trong nước đã giảm mức nhập siêu còn 9,8 tỷ USD.
- ❖ Xuất khẩu sang Trung Quốc tăng 25,9% y/y trong tháng Sáu, tăng tháng thứ hai liên tiếp, trong khi các thị trường khác đều giảm, mạnh nhất là US (-26,4%) và ASEAN (-10,6%). Trong 6T2023, xuất khẩu sang các thị trường chính đều giảm so với cùng kỳ năm trước ngoại trừ xuất khẩu sang Nhật Bản tăng 3,3% nhờ quốc gia này vẫn duy trì được tăng trưởng kinh tế ổn định.
- ❖ Trong 6T2023, trong số 10 mặt hàng XK lớn nhất, chỉ có nhóm phương tiện vận tải và phụ tùng tăng 14%, về phía nhập khẩu chỉ có nhập khẩu thủy sản tăng 1,8%, còn lại đều giảm mạnh.

Xuất nhập khẩu hàng hóa theo tháng (USDbn)



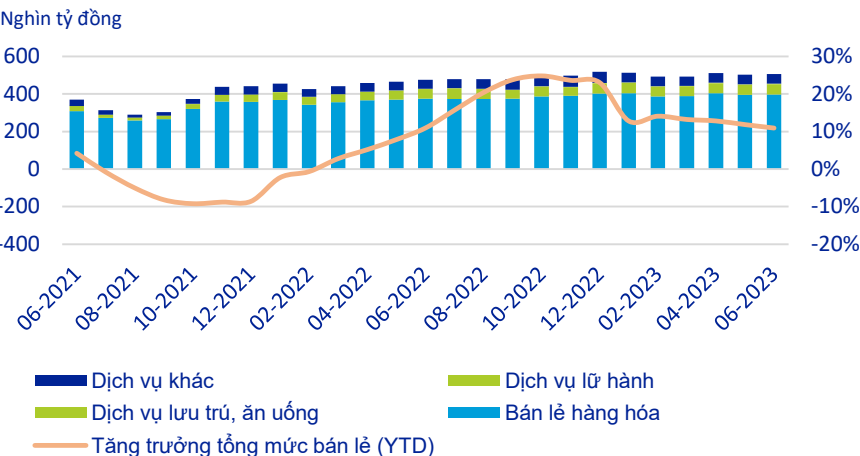
Nguồn: GSO, ACBS

Tổng mức bán lẻ trong 6 tháng



Nguồn: GSO, ACBS

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ theo tháng

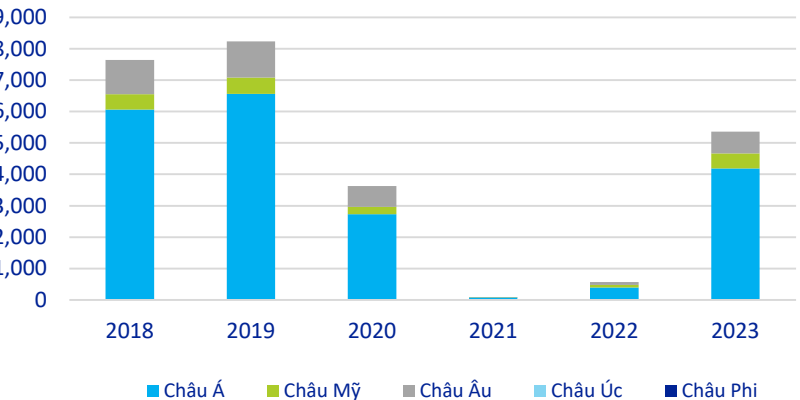


Nguồn: GSO, ACBS

- ❖ Trong tháng Sáu, doanh số bán lẻ ước đạt 505,7 nghìn tỷ đồng, tăng nhẹ 0,5% m/m và tăng 6,5% y/y, trong đó bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng 6% chậm hơn các tháng trước. Tính chung 6 tháng đầu năm, tổng doanh số bán lẻ đạt 3.016 nghìn tỷ đồng, tăng 10,9% y/y, tương đương mức tăng của cùng kỳ năm trước, trong đó, các mặt hàng bán lẻ có tốc độ tăng cao nhất là nhóm hàng lương thực thực phẩm tăng 13,5%, may mặc tăng 9,5%, vật phẩm văn hóa giáo dục tăng 9,3%.
- ❖ Bên cạnh đó, tất cả các hoạt động vận tải hành khách theo ngành đường đều tăng cao trong sáu tháng đầu năm 2023. Vận tải hàng hóa đường bộ và đường thủy tăng mạnh, vận tải hàng hóa hàng không giảm nhẹ về vận chuyển và vận tải đường sắt giảm mạnh do đơn hàng xuất nhập khẩu giảm và chi phí cao. Hoạt động viễn thông tăng 3,6% y/y trong quý II và tăng 3,3% trong sáu tháng đầu năm.

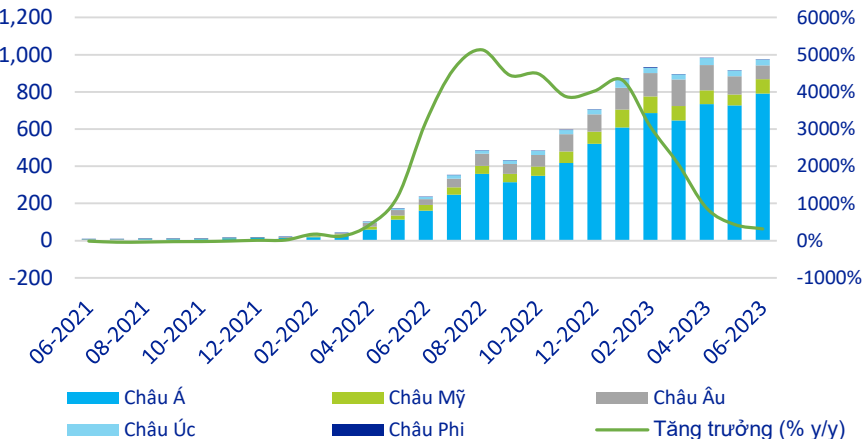
Khách quốc tế đến Việt Nam trong 6 tháng

Ngàn người



Nguồn: GSO, ACBS

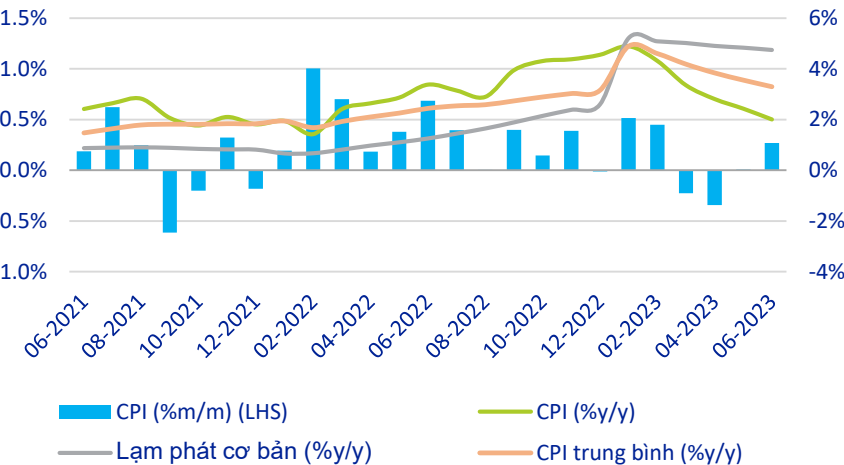
Khách quốc tế đến Việt Nam (Ngàn người)



Nguồn: GSO, ACBS

- ❖ Khách quốc tế đến Việt Nam đạt 975 ngàn lượt khách (tăng 6,4% m/m, 312% y/y), trong đó khách đến từ Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Campuchia, Đài Loan và Trung Quốc tăng mạnh nhất so với tháng trước.
- ❖ Tổng lượng khách quốc tế sáu tháng đầu năm 2023 đạt 5,6 triệu lượt, cao gấp 8,3 lần cùng kỳ 2022 nhưng vẫn thấp hơn 34% so với cùng kỳ năm 2019 (trước dịch COVID-19). Du khách đến từ Hàn Quốc, Trung Quốc, Mỹ và Đài Loan là những du khách đến nhiều nhất trong 6 tháng đầu năm 2023.
- ❖ Lượng khách quốc tế đến Việt Nam đã được cải thiện kể từ khi mở cửa lại biên giới vào Quý I/2022. Việc nổi lại du lịch quốc tế sẽ mang lại lợi ích cho nhiều ngành, đặc biệt là dịch vụ và lưu trú và ăn uống. Trong năm 2023, chúng tôi kỳ vọng lượng khách quốc tế đến Việt Nam tiếp tục tăng do du khách đã có thời gian lên kế hoạch cho chuyến đi và các thủ tục đi lại liên quan đến COVID đã được loại bỏ, việc Trung Quốc dần khôi phục các hoạt động xuất nhập cảnh tại biên giới sau ba năm đóng cửa vì COVID-19 giúp cải thiện giao thông và ngoại thương giữa Trung Quốc và Việt Nam và các chính sách thuận lợi về thị thực và xuất nhập cảnh chính thức có hiệu lực từ ngày 15/8/2023 sẽ thúc đẩy lượng khách quốc tế đến Việt Nam trong sáu tháng cuối năm.

Chỉ số CPI



Nguồn: GSO, ACBS

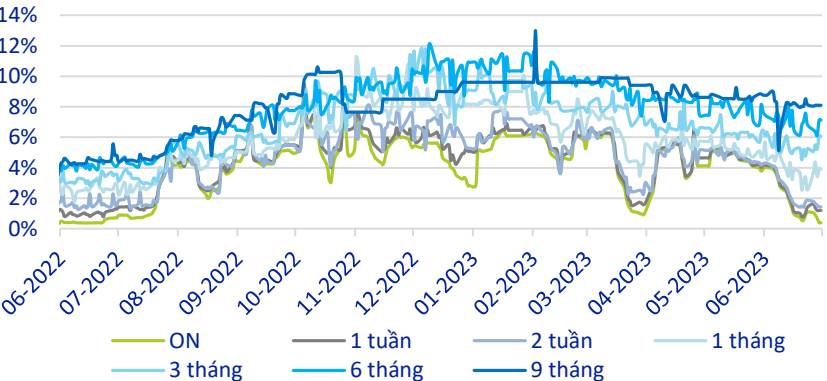
Giỏ hàng hóa tiêu dùng	Tỷ trọng (%)	06/2023 (% m/m)	06/2023 (% y/y)	Trung bình 6M2023 (% y/y)
CPI chung	100.0	0.27%	2.00%	3.29%
Hàng ăn & dịch vụ ăn uống	33.6	0.57%	3.34%	4.14%
Lương thực	3.7	0.09%	3.78%	3.77%
Thực phẩm	21.3	0.72%	2.62%	3.60%
Ăn uống ngoài gia đình	8.6	0.42%	4.96%	5.66%
Đồ uống & thuốc lá	2.7	0.16%	3.23%	3.70%
May mặc, mũ nón & giày dép	5.7	0.11%	2.16%	2.44%
Nhà ở & vật liệu xây dựng	18.8	0.07%	6.49%	6.60%
Thiết bị & đồ dùng gia đình	6.7	0.19%	2.11%	2.49%
Thuốc & dịch vụ y tế	5.4	0.01%	0.61%	0.63%
Giao thông	9.7	0.16%	-11.98%	-5.08%
Bưu chính viễn thông	3.1	-0.23%	-0.58%	-0.37%
Giáo dục	6.2	0.11%	5.75%	7.95%
Văn hoá, giải trí & du lịch	4.6	0.34%	2.30%	3.74%
Đồ dùng & dịch vụ khác	3.5	0.26%	3.39%	3.36%

Màu xanh: tăng so với kỳ tương ứng trước đó

Màu đỏ: giảm so với kỳ tương ứng trước đó

- ❖ Chỉ số Giá tiêu dùng CPI tháng Sáu tăng 0.27% m/m và 2% y/y, thấp hơn mức tăng tháng Năm. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng (+0.07% m/m) với giá điện sinh hoạt tăng do EVN điều chỉnh tăng giá bán lẻ điện từ 04/05/2023 và nhu cầu sử dụng điện tăng do thời tiết nắng nóng kéo dài và nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,57% m/m) với giá thực phẩm tăng 0.72%, là hai nhóm hàng hóa đóng góp lớn nhất vào mức tăng của chỉ số CPI trong tháng Sáu so với tháng Năm. Trong 6 tháng CPI tăng 3,29% và lạm phát cơ bản tăng 4,74%, thấp hơn tháng trước.
- ❖ Hoa Kỳ công bố chỉ số PCE tăng 3,8% y/y trong tháng Năm, giảm đáng kể so với mức 4,3% ghi nhận trong tháng Tư nhờ chi phí năng lượng giảm mạnh và giá lương thực giảm. PCE lõi (không bao gồm giá lương thực và năng lượng dễ biến động) giảm nhẹ từ mức tăng 4,7% của tháng Tư xuống 4,6% trong tháng Năm.

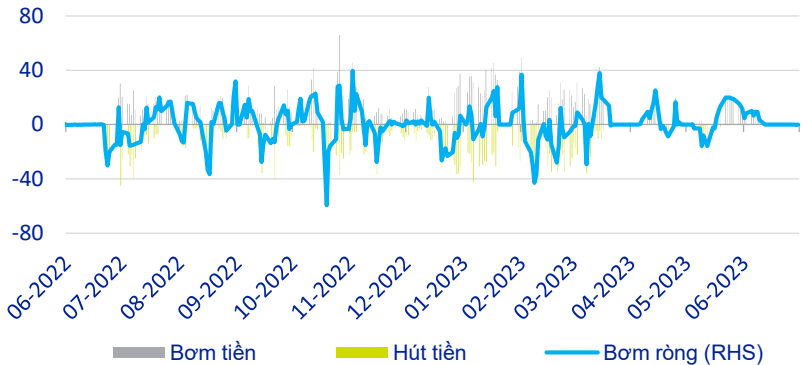
Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: FiinPro, ACBS

Bơm ròng/ (Hút ròng) trên thị trường OMO

Ngàn tỷ VND



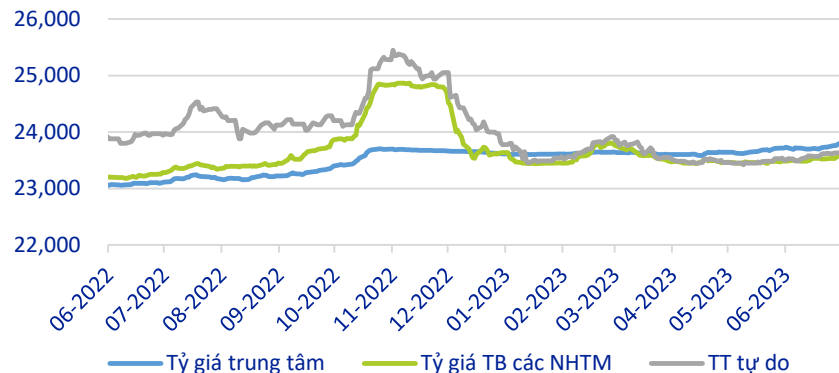
- Lãi suất liên ngân hàng hầu hết các kỳ hạn đều giảm trong tháng Sáu, đặc biệt ở các kỳ hạn dưới 1 tháng. So với đầu năm 2023, lãi suất liên ngân hàng ở hầu hết các kỳ hạn đều giảm khá mạnh. Ngày 16/6/2023, NHNN tiếp tục giảm đồng loạt các loại lãi suất điều hành từ 25bps đến 50 bps, đây là lần giảm lãi suất thứ tư trong năm 2023 nhằm thực hiện các mục tiêu phục hồi kinh tế của Quốc hội và Chính phủ. Trong khi đó, Fed chấm dứt chuỗi 10 lần tăng lãi suất liên tiếp bằng việc giữ nguyên lãi suất liên bang không đổi ở mức 5% - 5.25% trong cuộc họp tháng Sáu nhưng phát tín hiệu sẽ tiếp tục xem xét tăng lãi suất mục tiêu lên mức 5.6% vào cuối năm nếu nền kinh tế và lạm phát không tiếp tục chậm lại. ECB và SNB đều tiếp tục tăng lãi suất thêm 25bps để kiềm chế lạm phát trong khi Trung Quốc cắt giảm lãi suất cho vay cơ bản 10bps để hỗ trợ tăng trưởng.
- Trong tháng Sáu, NHNN đã bơm ròng 51 nghìn tỷ đồng ra thị trường chủ yếu thông qua tín phiếu đáo hạn. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục bơm VND ra thị trường trong khi tiếp tục mua vào USD. Ước tính NHNN đã bơm vào khoảng 140 nghìn tỷ đồng trong 5 tháng đầu năm 2023 thông qua mua ngoại tệ để ổn định thanh khoản thị trường, bổ sung dự trữ ngoại hối và kéo lãi suất đi xuống để hỗ trợ doanh nghiệp.

Lãi suất liên ngân hàng

Kỳ hạn	ON	1 Tuần	2 Tuần	1 Tháng	3 Tháng	6 Tháng	9 Tháng
30/06/23 (%)	0.39	1.20	1.43	3.90	6.07	7.13	8.10
+/- MoM (bps)	-351	-297	-283	-89	-40	-49	-66
+/- YTD (bps)	-242	-388	-385	-427	-302	-378	-151

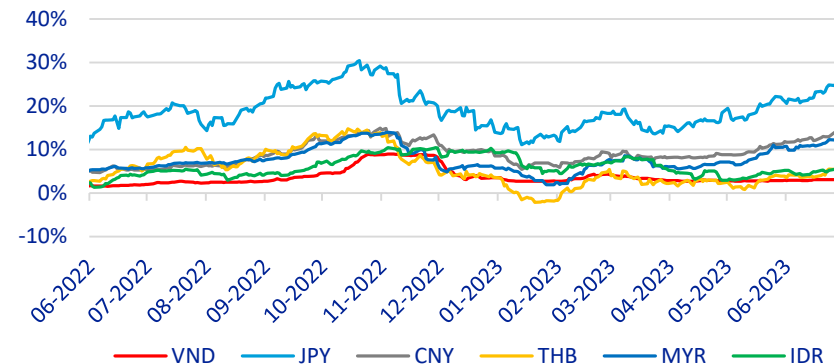
Tỷ giá USD/VND biến động mạnh trước áp lực đồng USD mạnh lên

Tỷ giá USD/VND



Nguồn: Fiin Pro, ACBS

Tỷ giá USD/VND và các đồng tiền trong khu vực



Nguồn: Bloomberg, ACBS. Ghi chú: Chênh lệch so với 31/12/2021

- ❖ Tỷ giá USD/VND biến động mạnh hơn trong hai tuần cuối tháng Sáu với tỷ giá bình quân tại các ngân hàng chốt tháng ở mức 23.585, tăng 0,4% so với tháng trước, tỷ giá trung tâm và trên thị trường tự do lần lượt tăng 0,36% và 0,55% do áp lực từ đồng USD mạnh trở lại. Tính từ đầu năm, Việt Nam Đồng đã mất giá khoảng 0,8% so với USD tính theo tỷ giá trung tâm và chênh lệch giữa các loại tỷ giá trên thị trường đã giảm đáng kể cho thấy tính hiệu quả trong các công cụ điều hành tỷ giá của cơ quan quản lý và cung cầu về đồng USD trên thị trường vẫn ổn định.
- ❖ Giá vàng trên thị trường thế giới cuối tháng Sáu giảm 2,4% xuống 1.916 USD/ounce do áp lực đồng USD mạnh lên trong khi giá vàng trong nước chỉ giảm nhẹ 0,1% xuống 67 triệu đồng/lượng, tương đương mức chênh lệch khoảng 22% so với giá thế giới.

Các chỉ số vĩ mô chính

Kinh tế vĩ mô Thị trường vốn Chủ đề thời sự Tóm tắt ngành

Chỉ số hàng tháng	07-2022	08-2022	09-2022	10-2022	11-2022	12-2022	01-2023	02-2023	03-2023	04-2023	05-2023	06-2023
Sản xuất công nghiệp (% y/y)	9.5%	13.3%	10.3%	5.5%	3.5%	0.2%	-14.9%	7.2%	-2.0%	-2.4%	0.5%	2.8%
Khai khoáng	-2.8%	7.5%	14.9%	12.1%	16.8%	-5.1%	-13.0%	9.9%	-4.2%	-5.5%	2.9%	1.9%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	11.1%	14.1%	9.6%	4.4%	2.3%	0.6%	-15.6%	6.8%	-2.5%	-2.8%	-0.9%	2.9%
Sản xuất & phân phối điện	6.2%	12.3%	16.4%	9.3%	2.7%	1.3%	-12.4%	8.3%	1.8%	2.3%	7.7%	3.0%
Cung cấp nước & xử lý chất thải	12.1%	5.9%	9.1%	14.4%	7.0%	5.5%	-1.4%	7.1%	11.1%	8.1%	4.7%	2.9%
PMI	51.2	52.7	52.5	50.6	47.4	46.4	47.4	51.2	47.7	46.7	45.3	46.2
Bán lẻ trong nước (% y/y)	52.9%	65.2%	58.2%	34.1%	13.5%	17.3%	12.8%	15.5%	11.5%	11.7%	8.1%	6.5%
CPI (% m/m)	0.4%	0.0%	0.4%	0.1%	0.4%	0.0%	0.5%	0.4%	-0.2%	-0.3%	0.0%	0.3%
CPI (% y/y)	3.1%	2.9%	3.9%	4.3%	4.4%	4.5%	4.9%	4.3%	3.4%	2.8%	2.4%	2.0%
Kim ngạch xuất khẩu (USDm)	30,607	34,918	29,817	30,369	29,020	29,029	23,611	26,052	29,709	27,864	28,040	29,300
Kim ngạch nhập khẩu (USDm)	30,533	31,059	28,388	27,903	28,277	27,292	22,955	23,253	28,322	25,208	26,035	26,710
Cán cân thương mại (USDm)	74	3,859	1,429	2,466	743	1,737	656	2,799	1,387	2,656	2,005	2,590
FDI giải ngân (USDm)	1,512	1,230	2,628	2,022	2,230	2,716	1,350	1,200	1,774	1,526	1,800	2,370
FDI đăng ký trừ vốn góp (USDm)	1,203	899	1,610	3,197	2,387	1,507	1,511	788	1,932	1,534	1,776	1,877

Các chỉ số vĩ mô chính (tt)

Kinh tế vĩ mô | Thị trường vốn | Chủ đề thời sự | Tóm tắt ngành

Chỉ số hàng năm	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	YTD-2023
GDP	6.0%	6.7%	6.2%	6.8%	7.1%	7.0%	2.9%	2.6%	8.0%	3.7%
Sản xuất công nghiệp	7.6%	9.8%	7.5%	9.4%	10.2%	9.1%	3.4%	4.8%	7.8%	-1.2%
Bán lẻ trong nước	10.6%	9.5%	10.2%	10.9%	11.7%	11.8%	2.6%	-3.8%	19.8%	10.9%
Chỉ số giá tiêu dùng	4.1%	0.6%	2.7%	3.5%	3.5%	2.8%	3.2%	1.9%	3.1%	3.3%
Kim ngạch xuất khẩu (USDbn)	150.22	162.02	176.58	215.12	243.70	264.34	282.53	336.25	371.30	164.45
Kim ngạch nhập khẩu (USDbn)	147.85	165.78	174.98	213.22	236.87	254.09	262.67	332.25	358.90	152.20
Cán cân thương mại (USDbn)	2.37	-3.76	1.60	1.90	6.83	10.25	19.86	4.00	12.40	12.25
FDI giải ngân (USDbn)	12.35	14.50	15.80	17.50	19.10	20.38	19.98	19.74	1.61	10.02
FDI đăng ký (USDbn)	20.23	22.76	20.95	29.97	25.57	22.55	21.06	24.26	1.66	9.42

Chỉ số hàng quý	1Q-2021	2Q-2021	3Q-2021	4Q-2021	1Q-2022	2Q-2022	3Q-2022	4Q-2022	1Q-2023	2Q-2023
GDP (% y/y)	4.9%	6.6%	-6.0%	5.2%	5.1%	7.8%	13.7%	5.9%	3.3%	4.1%
Nông - lâm - ngư nghiệp	4.0%	4.1%	1.4%	3.6%	2.7%	3.1%	3.7%	3.9%	2.9%	3.2%
Công nghiệp & Xây dựng	6.0%	9.6%	-5.2%	5.0%	6.6%	8.7%	12.2%	4.2%	-0.4%	2.5%
Dịch vụ	4.4%	4.7%	-8.7%	5.9%	4.5%	8.9%	19.3%	8.1%	6.6%	6.1%
Chỉ số sản xuất công nghiệp (% y/y)	5.7%	12.4%	-5.0%	6.4%	6.8%	9.8%	10.9%	3.0%	-2.6%	0.2%
Bán lẻ trong nước (% y/y)	4.6%	4.1%	-28.3%	0.0%	5.0%	20.1%	41.2%	17.1%	13.2%	8.7%
Kim ngạch xuất khẩu (USDbn)	78.40	78.23	82.15	95.62	89.10	96.93	96.31	89.50	81.03	83.42
Kim ngạch nhập khẩu (USDbn)	75.61	82.50	83.86	89.07	87.65	97.64	90.29	85.07	76.19	76.01
Cán cân thương mại (USDbn)	2.79	-4.27	-1.70	6.55	1.46	-0.72	6.02	4.44	4.84	7.41
FDI giải ngân (USDbn)	4.10	5.14	4.04	6.46	4.42	5.64	5.37	6.97	4.32	5.70
FDI đăng ký (USDbn)	9.33	4.34	5.26	5.34	7.28	4.48	3.71	7.09	4.23	5.19

Các chỉ số vĩ mô chính của các nước trên thế giới

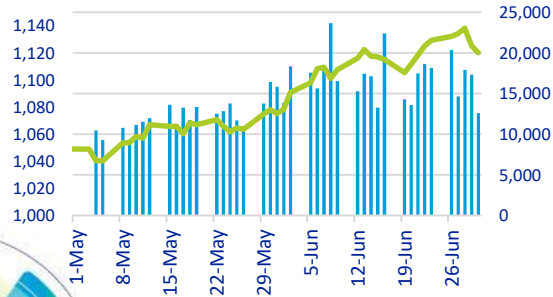
Quốc gia	Tăng trưởng GDP			Lạm phát			PMI sản xuất		
	3Q-2021	1Q-2023	2Q-2023	04-2023	05-2023	06-2023	04-2023	05-2023	06-2023
Indonesia	5.0%	5.0%		4.3%	4.0%	3.5%	52.7	50.3	52.5
Malaysia	7.1%	5.6%		3.3%	2.8%		48.8	47.8	47.7
Phillipines	7.1%	6.4%		6.6%	6.1%	5.4%	51.4	52.2	50.9
Singapore	2.1%	0.4%		5.7%	5.1%				
Thái Lan	1.4%	2.7%		2.7%	0.5%	0.2%	60.4	58.2	53.2
Việt Nam	5.9%	3.3%	4.1%	2.8%	2.4%	2.0%	46.7	45.3	46.2
Trung Quốc	2.9%	4.5%		0.1%	0.2%		49.5	50.9	50.5
Hồng Kông	-4.1%	2.7%		2.1%	2.0%				
Đài Loan	-0.8%	-2.9%		2.4%	2.0%	1.8%	47.1	44.3	44.8
Nhật Bản	0.4%	1.3%		3.5%	3.2%		49.5	50.6	49.8
Nam Hàn	1.3%	0.9%		3.7%	3.3%	2.7%	48.1	48.4	47.8
Ấn Độ	4.5%	6.1%		4.7%	4.3%		57.2	58.7	57.8
Hoa Kỳ	2.6%	2.0%		4.9%	4.0%		50.2	48.4	46.3
Khu vực Châu Âu	1.8%	1.3%		7.0%	6.1%	5.5%	45.8	44.8	43.4

- ❖ Trên quan điểm thận trọng, chúng tôi nâng dự báo tăng trưởng GDP cả năm 2023 của Việt Nam lên 5.2%, thấp hơn mục tiêu 6.5% của Chính phủ và cao hơn trung bình của các nước ASEAN theo ước tính của ADB, chủ yếu nhờ các yếu tố sau:
 - Tăng trưởng của ngành dịch vụ trong nửa cuối năm khi các chính sách kích cầu như giảm thuế VAT 2% của Chính phủ phát huy tác dụng và tăng trưởng mạnh mẽ của hoạt động du lịch trong nước cũng như du khách quốc tế đến Việt Nam sau khi hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông được nâng cấp, và chính sách thuận lợi về thị thực và xuất nhập cảnh chính thức có hiệu lực từ 15/8/2023 có thể thúc đẩy lượng khách quốc tế đến Việt Nam trong 6 tháng cuối năm.
 - Sự phục hồi của nhóm ngành Công nghiệp và xây dựng, trong đó ngành xây dựng sẽ tăng trưởng mạnh mẽ hơn trong quý III và quý IV, nhờ các chính sách nhằm đẩy mạnh đầu tư công của Chính phủ và mặt bằng lãi suất cho vay giảm.
- ❖ Trong ngắn hạn, chúng tôi nhận thấy một số bất ổn tiềm ẩn đối với tỷ giá USD/VND do chênh lệch lãi suất giữa USD và VND ngày càng tăng sau khi NHNN cắt giảm lãi suất điều hành bốn lần trong năm nay trong khi lãi suất tại Mỹ và ECB có thể sẽ tiếp tục tăng để đưa lạm phát về mục tiêu của các nhà điều hành. Chúng tôi cho rằng trong tình hình hiện tại với nguồn cung ngoại tệ dồi dào nhờ kiều hối, thặng dư thương mại cao và dòng vốn FDI dương cũng như chúng tôi kỳ vọng dòng vốn FDI mới sẽ tiếp tục trong những tháng còn lại của năm nhờ chính sách khuyến khích đầu tư của Chính phủ và nguồn kiều hối ổn định có thể hỗ trợ cho Việt Nam Đồng trong thời gian tới.

Các dự báo về tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023

Tổ chức	Dự báo mới nhất	Dự báo trước đây
Ngân hàng Thế giới	6.0% (06/2023)	6.3% (03/2023)
Tổ chức Tiền tệ Quốc tế	5.8% (04/2023)	5.8% (11/2022)
Ngân hàng Phát triển Châu Á	6.5% (04/2023)	6.3% (12/2022)
Fitch Ratings	5.8% (03/2023)	6.3% (03/2022)
S&P	6.5%-7% (05/2022)	
Standard Chartered Bank	5.4% (07/2023)	6.5% (05/2023)
HSBC	5.8% (12/2022)	6.3% (07/2022)
United Oversea Bank	6.6% (12/2022)	
ACBS	5.2% (07/2023)	4.4% - 5.1% (04/2023)

Thống kê thị trường	05/2023		5M2023	
Mã Bloomberg	VNIndex		VNIndex	
Khoảng dao động (pts)	1,072 - 1,141		1,007 - 1,141	
Chỉ số cuối tháng (pts)	1,120.2		1,120.2	
Vốn hóa thị trường (VNDbn)	4,500,957		4,500,957	
Vốn hóa thị trường (USDbn)	189.5		189.5	
Giá trị giao dịch TB (VNDbn)	17,001		11,810	
Số mã tăng	261		316	
Số mã giảm	140		89	
Nước ngoài mua ròng (USDbn)	-0.015		-0.013	
Tỷ lệ tham gia NĐT nước ngoài	7.6%		9.7%	
Tăng trưởng (%)	1M	3M	6M	12M
VNIndex	4.2	5.2	11.2	-6.5
VN30	5.3	4.6	11.7	-10.1



Thị trường chứng khoán Việt Nam trải qua một tháng giao dịch sôi động với chỉ số VNIndex tăng 4,2% lên 1.120 điểm vào cuối tháng Sáu sau khi đạt mức cao nhất kể từ đầu năm 2023 là 1.141 điểm và thanh khoản toàn thị trường cải thiện mạnh với giá trị giao dịch bình quân ngày tăng 38,5% so với tháng trước. Tuy nhiên, nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng trên VNIndex trong tháng Sáu với giá trị ròng là 15,3 triệu USD làm đảo ngược giá trị ròng từ đầu năm thành bán ròng 12,7 triệu USD. Trên thế giới, Fed tạm dừng 10 lần tăng lãi suất liên tiếp bằng cách giữ nguyên Fed Funds Rate ở mức 5% - 5,25% trong cuộc họp tháng Sáu nhưng phát đi tín hiệu tăng lãi suất mục tiêu lên 5,6% vào cuối năm nếu nền kinh tế và lạm phát không tiếp tục chậm lại, trong khi các ngân hàng trung ương ở châu Âu tiếp tục tăng lãi suất chủ chốt để đưa lạm phát về mức mục tiêu. Tại Việt Nam, Quốc hội khóa XV đã thông qua 8 Luật và 17 Nghị quyết có nhiều tác động tích cực đến nền kinh tế, kết hợp với việc NHNN cắt giảm lãi suất chủ chốt kéo theo lãi suất huy động giảm khá mạnh đã kích thích dòng tiền nhân rồi chảy vào thị trường chứng khoán. Trong tháng Sáu, công ty Quản lý Quỹ UOB Malaysia (UOBAM Malaysia) đã ra mắt Quỹ United Vietnam Equities Fund (UVEF) giúp mang đến cơ hội nắm giữ cổ phiếu Việt Nam cho các nhà đầu tư Malaysia.

Tập đoàn Hòa Phát (HOSE: HPG, +23%) được khối ngoại mua ròng không ngừng trong 11 tháng gần đây và đóng góp lớn nhất vào VNIndex trong tháng Sáu, theo sau là các mã ngân hàng như VCB (+6,4%), MBB (+11,3%), TCB (+8%) và VNM (+7,4%), công ty đã chính thức công bố bộ nhận diện thương hiệu mới lần đầu tiên sau 47 năm đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ cho chặng đường phát triển tiếp theo. EIB (+4,7%) được thêm vào MVIS Vietnam Local Index, chỉ số tham chiếu mới của Vaneck Vectors Vietnam ETF (VNM ETF), trong kỳ review gần nhất, nâng số cổ phiếu Việt Nam trong rổ này lên 42 mã. Trên thị trường bảo hiểm, hãng bảo hiểm phi nhân thọ Hàn Quốc DB Insurance Co., Ltd (DBI) đã mua lại 75% cổ phần của Tổng công ty Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội (BSH), đơn vị chiếm thị phần lớn thứ 9 về bảo hiểm tài sản và thương vong tại Việt Nam (P&C). Trước đó, DBI đã mua lại 75% cổ phần của CTCP Bảo hiểm Hàng không Quốc gia (UPCoM: AIC) vào tháng 2/2023.

Thành phần và định giá HOSE cuối tháng

Kinh tế vĩ mô

Thị trường vốn

Chủ đề thời sự

Tóm tắt ngành

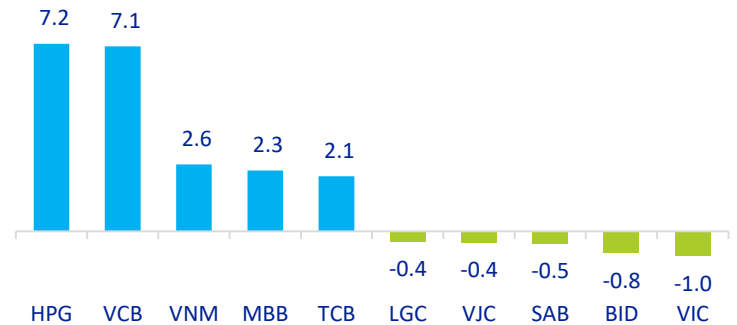
Ngành	Số mã CK	Vốn hóa (VNDtn)	TT 1M	TT YTD	P/E	P/B	ROA	ROE	GTGD TB (% m/m)	GTGD TB (% y/y)	NN mua ròng 1M (VNDbn)	NN mua ròng YTD (VNDbn)
Ngân hàng	17	1,663.4	4.8%	18.4%	10.50	1.97	1.78%	20.46%	30.4%	-25.8%	-1,232.1	-6,647.2
Bất động sản	49	763.8	0.4%	7.2%	29.45	1.94	5.76%	13.14%	48.7%	-50.3%	-847.8	-344.9
F&B	32	453.6	3.5%	-6.2%	26.30	3.75	10.08%	15.51%	56.4%	-44.7%	-1,620.0	-3,247.1
Nguyên vật liệu	63	362.9	13.8%	34.5%	116.82	1.52	6.49%	8.40%	59.6%	-53.9%	2,001.3	4,041.1
Dịch vụ tiện ích	27	307.6	0.5%	5.3%	12.27	2.29	13.48%	20.82%	6.7%	-63.5%	-213.2	705.9
Tư liệu sản xuất	73	194.1	6.2%	36.3%	214.79	1.61	4.11%	8.93%	32.2%	-53.8%	146.0	529.3
Vận tải	28	165.9	2.8%	4.7%	22.07	2.66	1.96%	4.12%	22.6%	-43.6%	-126.5	1,112.3
Dịch vụ tài chính	17	135.1	8.5%	54.8%	37.81	1.69	2.05%	5.59%	28.8%	-8.8%	1,317.7	2,561.0
Phần mềm	4	103.1	3.0%	12.2%	17.51	4.05	9.98%	25.45%	2.7%	-64.5%	2.9	342.8
Bán lẻ	9	81.2	11.9%	3.2%	27.03	2.87	4.45%	12.07%	102.8%	-49.4%	236.3	401.7
Năng lượng	10	74.6	0.6%	23.1%	185.41	1.59	2.63%	6.94%	4.4%	-56.6%	33.5	-117.0
Bảo hiểm	5	44.5	0.5%	-1.1%	18.62	1.52	1.47%	8.34%	76.4%	-72.0%	-109.0	76.3
Hàng tiêu dùng lâu bền & trang phục	17	42.8	7.1%	-1.2%	13.39	2.39	11.29%	16.89%	54.9%	-61.2%	-131.5	-70.8
Dược phẩm, CN sinh học & KH đời sống	10	34.9	11.2%	34.0%	15.37	2.85	16.32%	20.27%	9.2%	-60.4%	17.8	37.7
Ô tô & phụ tùng	6	8.1	4.0%	20.1%	16.26	1.71	6.16%	11.41%	195.1%	-59.3%	-0.6	20.3
Phần cứng & thiết bị công nghệ	1	7.0	16.7%	10.2%	12.25	2.74	8.78%	24.73%	83.8%	-38.9%	62.6	-100.7
Thương mại & dịch vụ chuyên nghiệp	6	6.8	4.6%	40.9%	13.75	2.04	15.64%	21.24%	95.6%	44.4%	-121.8	-102.9
Dịch vụ tiêu dùng	7	5.5	2.2%	3.9%	61.96	3.76	13.60%	17.61%	31.8%	-55.1%	-10.4	-33.5
Thiết bị & dịch vụ chăm sóc sức khỏe	3	3.4	-0.9%	13.5%	12.56	1.75	7.22%	12.86%	-15.0%	-82.8%	13.6	45.5
Dịch vụ viễn thông	1	1.9	2.0%	-14.5%	0.00	1.16	-2.01%	-7.79%	27.2%	-87.4%	0.0	-0.2
Hàng gia dụng	1	1.5	5.8%	18.6%	7.49	1.73	17.96%	26.08%	139.5%	49.7%	-0.3	-24.8
Truyền thông & giải trí	2	1.2	5.7%	53.8%	22.94	1.80	6.48%	10.01%	-31.5%	-92.1%	-1.0	13.1
Chưa phân loại	7	1.0	7.5%	12.9%	10.02	0.53	0.27%	-0.01%	109.2%	-87.7%	1.1	-1.7
VNIndex	417	4,501.0	4.2%	11.2%	13.76	1.72	2.03%	12.82%	38.5%	-45.2%	-398.7	-356.3
VN30 Index	30	3,189.2	5.3%	11.7%	11.36	1.66	2.11%	14.72%	55.0%	-41.4%	-1,827.1	-3,272.3

Nguồn: Bloomberg, ACBS

Danh sách 20 mã có vốn hóa thị trường lớn nhất (đến ngày 30/06/2023)

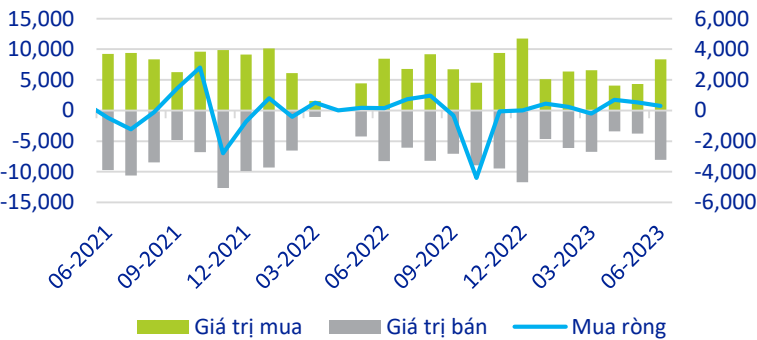
Mã CK	Tên công ty	Vốn hóa thị trường (VNDtn)	Tăng trưởng 1M	Tăng trưởng YTD	P/E	P/B	Room NN còn lại (%)
VCB	Vietcombank	473.3	6.4%	25.0%	15.3	3.3	6.5%
VHM	Vinhomes	239.5	2.8%	14.6%	6.6	1.5	25.8%
BID	BIDV	219.3	-1.5%	12.3%	10.9	2.1	12.9%
VIC	VinGroup	194.5	-1.9%	-5.2%	25.6	1.7	35.0%
GAS	PV Gas	178.0	0.2%	-8.4%	12.2	2.8	46.1%
HPG	Hòa Phát	152.1	23.3%	45.3%	229.0	1.6	23.4%
VNM	VINAMILK	148.4	7.4%	-6.7%	20.5	4.7	46.1%
CTG	VietinBank	141.8	5.4%	8.3%	8.4	1.3	2.8%
VPB	VPBank	133.3	2.8%	10.9%	11.0	1.3	0.7%
TCB	Techcombank	113.8	8.0%	25.1%	5.9	1.0	0.0%
MSN	Tập đoàn Masan	107.1	4.4%	-19.1%	48.8	4.1	18.9%
SAB	SABECO	98.5	-1.9%	-6.6%	20.1	4.1	37.6%
FPT	FPT Corp	95.0	2.3%	11.8%	17.0	4.2	0.0%
MBB	MBBank	91.6	11.3%	21.1%	5.1	1.1	0.0%
ACB	ACB	85.6	3.9%	20.5%	5.9	1.4	0.0%
BCM	Becamex IDC	82.0	1.5%	-1.7%	67.7	4.8	46.3%
GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	77.6	6.6%	40.6%	23.3	1.6	12.5%
SSB	SeABank	66.4	7.2%	-1.1%	16.9	2.5	4.8%
MWG	Thế giới di động	63.3	10.5%	0.9%	23.6	2.6	0.0%
VRE	Vincom Retail	60.9	-1.1%	1.9%	17.8	1.8	16.5%

Tỷ trọng đóng góp vào VNIndex trong 06/2023



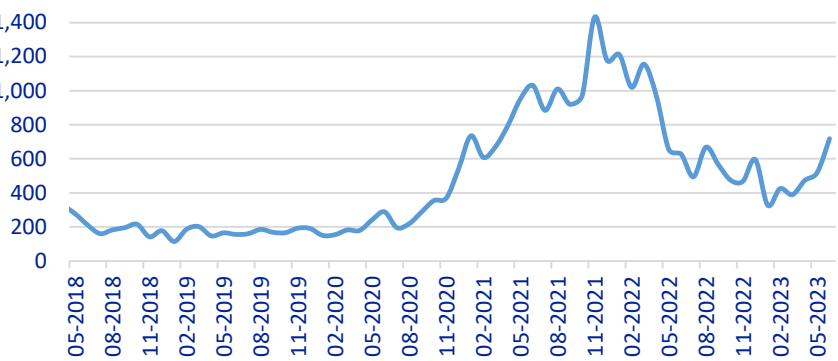
Ghi chú: Điểm tác động (pts)

Giao dịch tự doanh của các CTCK (VNDbn)



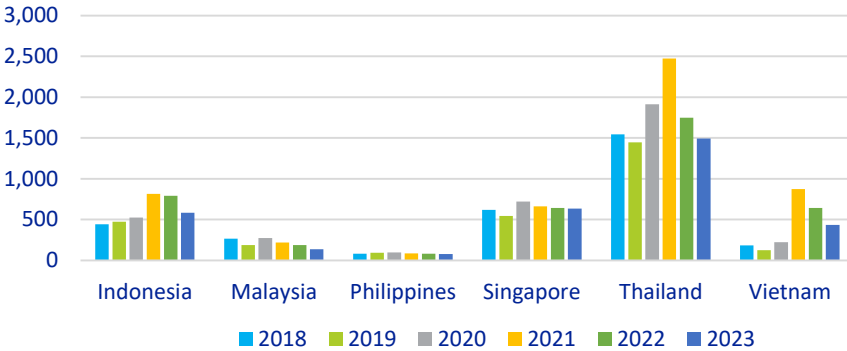
Nguồn: FiinPro, ACBS

Giá trị giao dịch trung bình ngày (Triệu USD)



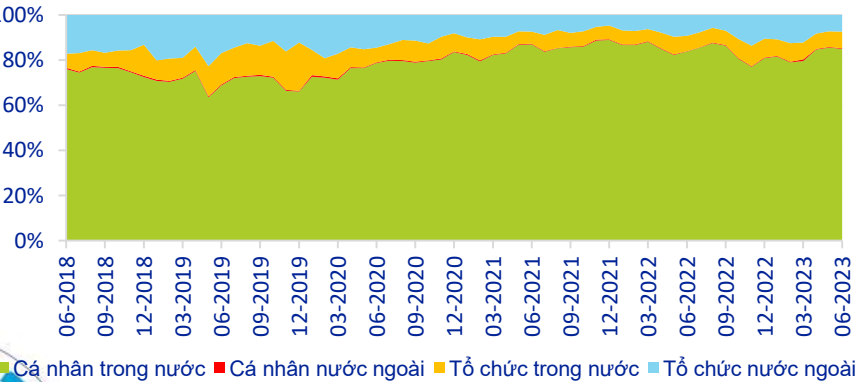
Nguồn: Fiin Pro, ACBS

Giá trị giao dịch trung bình ngày của các thị trường ASEAN (Triệu USD)



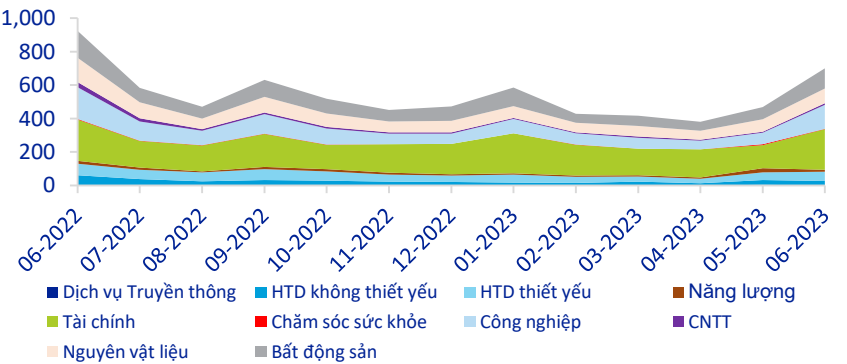
Nguồn: Bloomberg, ACBS

Giá trị giao dịch theo nhóm nhà đầu tư



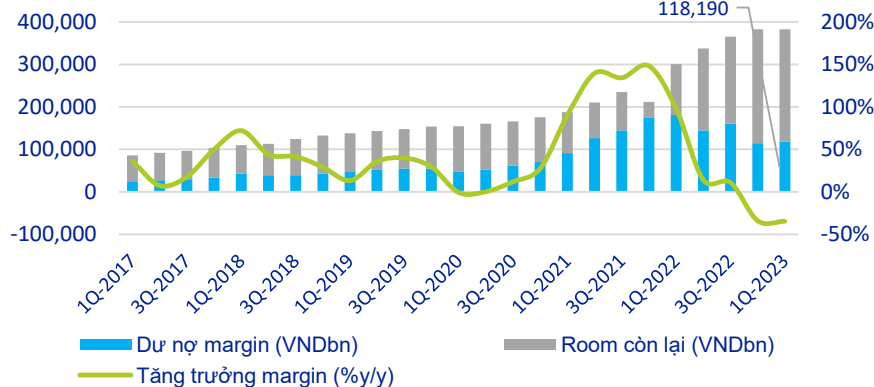
Source: Fiin Pro, ACBS

Giá trị giao dịch TB ngày theo ngành (Triệu USD)



Nguồn: Fiin Pro, Bloomberg, ACBS

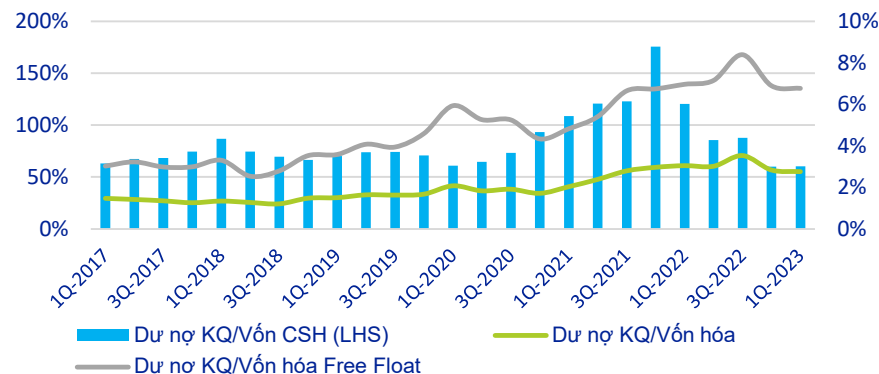
Dư nợ ký quỹ



Nguồn: Fiin Pro, ACBS. Ghi chú: room margin dựa trên giới hạn cho vay KQ của các CTCK

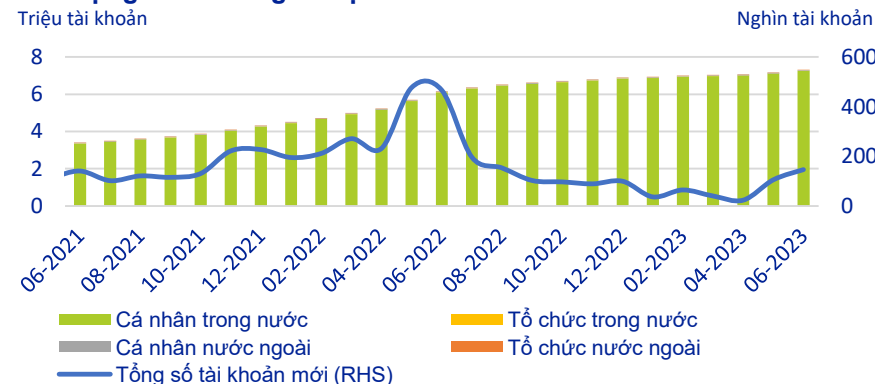
- Dư nợ cho vay ký quỹ toàn thị trường ước đạt 118 nghìn tỷ đồng vào cuối quý I/2023, tăng nhẹ 3% so với cuối quý trước và thấp hơn 35% so với cùng kỳ năm ngoái. Sở giao dịch TP HCM đã tăng số lượng cổ phiếu không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ lên 87 cổ phiếu tại thời điểm 12/4/2023 từ 62 cổ phiếu trong Quý IV/2022, con số này tại HNX giảm từ 84 cổ phiếu trong Quý IV/2022 xuống còn 77 cổ phiếu. Tỷ lệ dư nợ margin so với vốn hóa thị trường freefloat giảm nhẹ xuống 6,8%.
- Số tài khoản giao dịch mở mới trong tháng Sáu tăng mạnh với hơn 146 nghìn tài khoản (+39% m/m). Tính chung, có gần 7,3 triệu tài khoản tính đến ngày 30/06/2023, tương đương khoảng 7,3% dân số Việt Nam.

Đòn bẩy ký quỹ



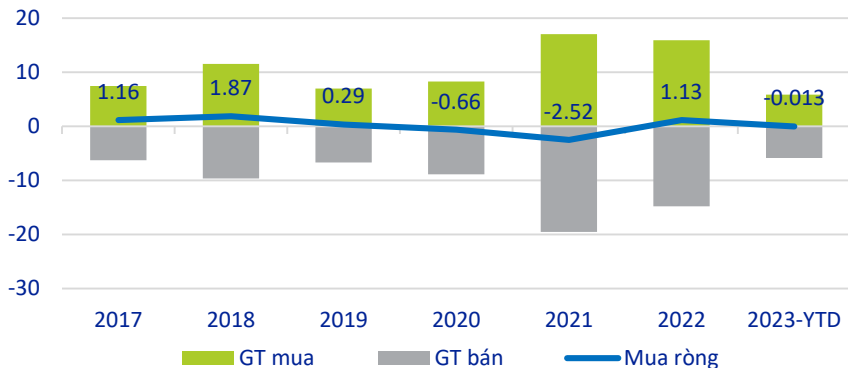
Nguồn: Fiin Pro, Bloomberg, ACBS

Số lượng tài khoản giao dịch



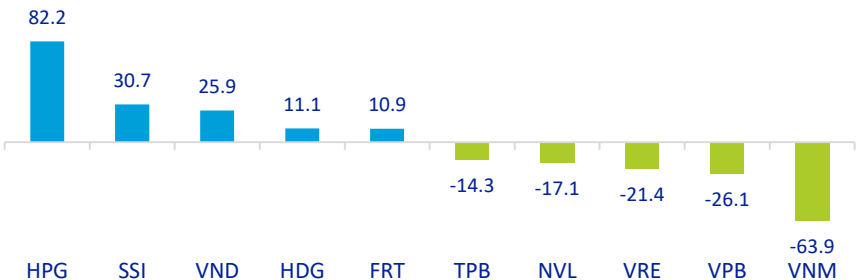
Nguồn: GSO, ACBS

Giao dịch NĐT nước ngoài - VNIndex (Tỷ USD)



Nguồn: FiinPro, ACBS

Cổ phiếu được NĐTNN mua ròng nhiều nhất trong tháng (Triệu USD)



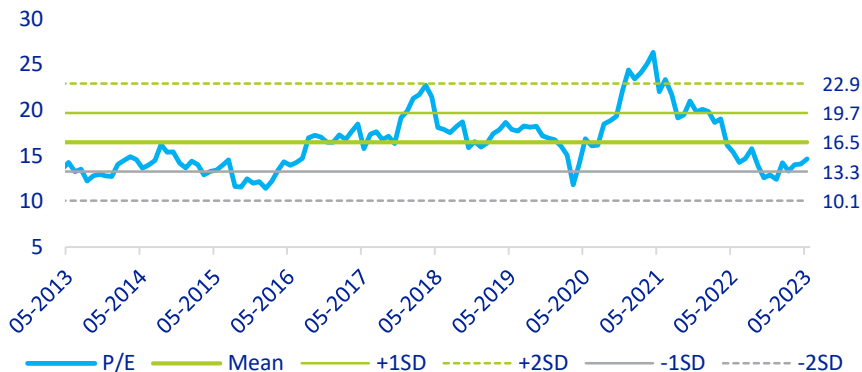
Nguồn: FiinPro, ACBS

- Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng trên VNIndex trong tháng Sáu với giá trị ròng 15,3 triệu USD làm đảo ngược giá trị giao dịch ròng từ đầu năm thành bán ròng 12,7 triệu USD. Khối này bán ra nhiều nhất ở ngành F&B và Ngân hàng trong khi mua vào nhiều nhất các ngành Vật liệu (dòng tiền vào ròng của HPG là 1,9 nghìn tỷ đồng) và Dịch vụ tài chính (với mua ròng của SSI là 712 tỷ đồng và VND là 614 tỷ đồng).
- Philippines là thị trường chứng khoán duy nhất trong ASEAN nhận được lượng mua ròng của khối ngoại trong khi bốn thị trường khác bao gồm cả Việt Nam chứng kiến dòng vốn rút ròng trong tháng Sáu. Nhà đầu tư nước ngoài cũng mua ròng chứng khoán Ấn Độ trước kỳ vọng triển vọng kinh tế được cải thiện và chứng khoán Nhật Bản với kỳ vọng nỗ lực cải cách về quy chế quản trị công ty và chính sách tiền tệ sẽ hỗ trợ thị trường chứng khoán.

Thị trường	NN mua ròng 1M (Tỷ USD)	NN mua ròng YTD (Tỷ USD)	Vốn hóa TT (Tỷ USD)	NN Mua ròng YTD/ Vốn hóa TT
Việt Nam	-0.015	-0.013	189.5	-0.01%
Indonesia	-0.293	1.090	632.0	0.17%
Malaysia	-0.249	-0.887	204.7	-0.43%
Philippines	0.097	-0.467	167.4	-0.28%
Thái Lan	-0.263	-3.107	520.7	-0.60%
Đài Loan	0.625	11.595	1,698.4	0.68%

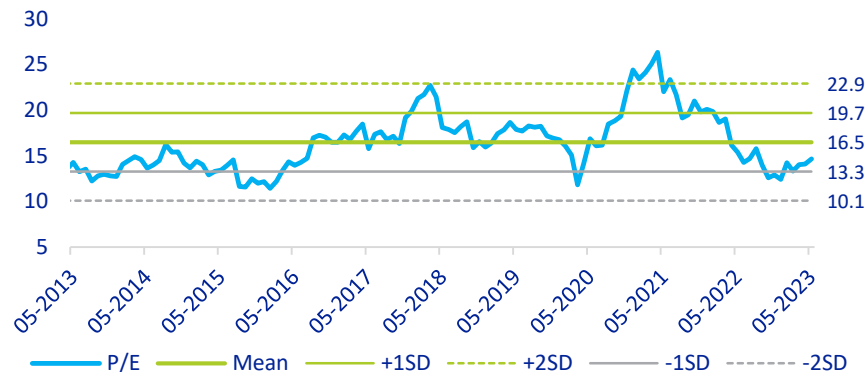
Nguồn: Bloomberg, FiinPro, ACBS

P/E của VNIndex trong 10 năm



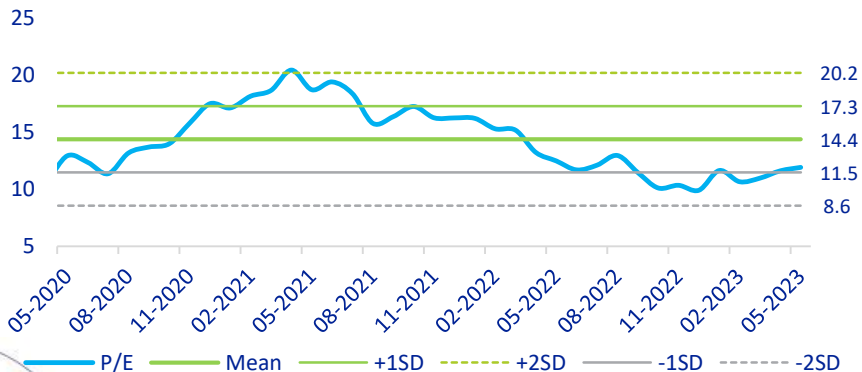
Nguồn: Bloomberg, ACBS

P/E của VNIndex trong 10 năm



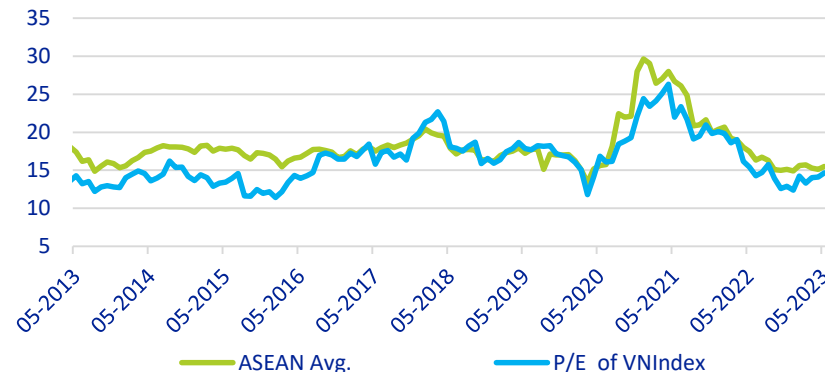
Nguồn: Bloomberg, ACBS

P/E của VN30 trong 3 năm



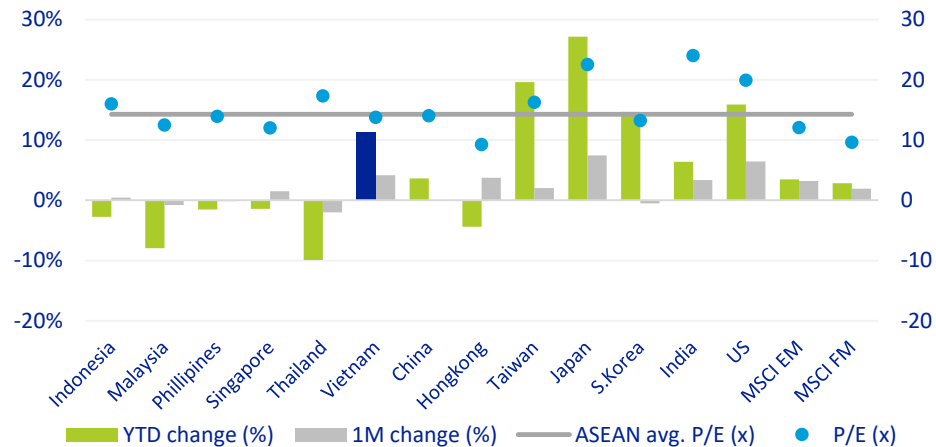
Nguồn: Bloomberg, ACBS

P/E của VNIndex và các thị trường trong khu vực



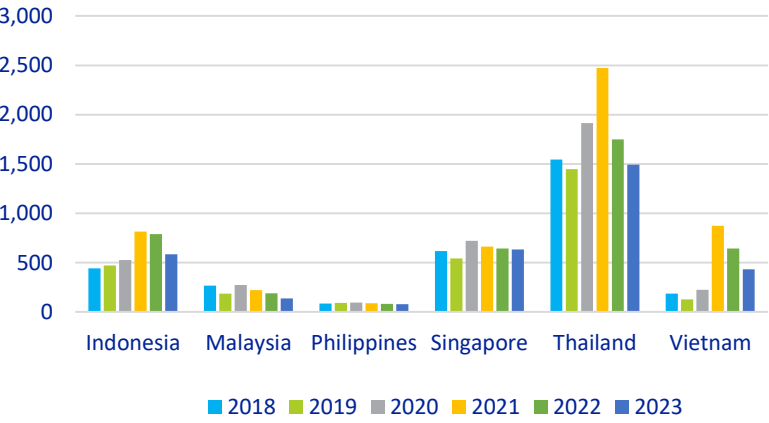
Nguồn: Bloomberg, ACBS

Tăng trưởng của VNIndex và các chỉ số trên thế giới



Nguồn: Bloomberg, ACBS

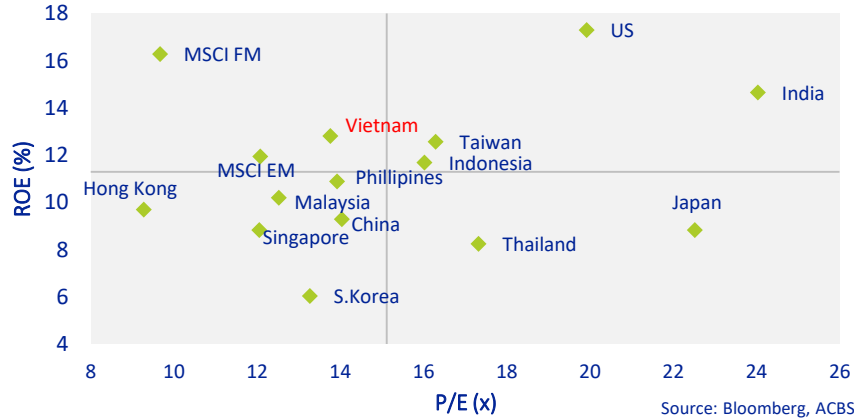
Giá trị giao dịch trung bình ngày của các thị trường ASEAN (Triệu USD)



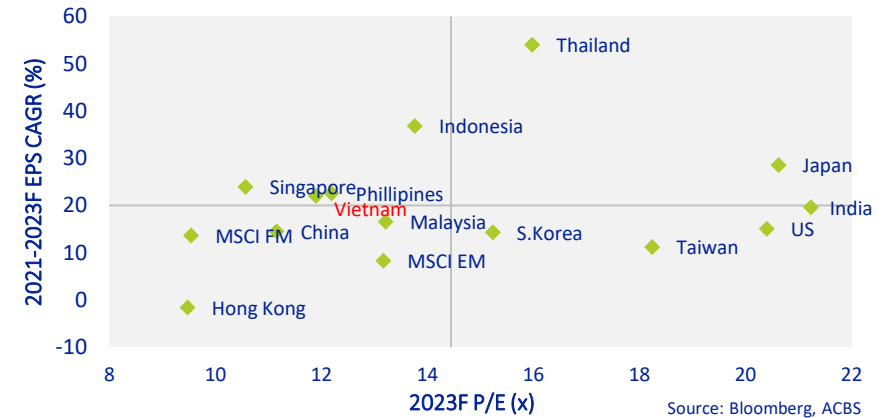
Nguồn: Bloomberg, ACBS

- ❖ Thị trường chứng khoán Mỹ tăng điểm trong tháng Sáu sau khi Fed giữ nguyên lãi suất cơ bản ở mức 5% - 5,25% trong cuộc họp tháng 6. Thị trường chứng khoán Ấn Độ và Nhật Bản cũng tăng điểm trong bối cảnh dòng vốn ròng của nhà đầu tư nước ngoài đổ vào khá lớn nhờ kỳ vọng về triển vọng kinh tế phục hồi. Thị trường chứng khoán Hàn Quốc giảm 0,5% trong tháng 6 trong bối cảnh thị trường này không được xếp loại thành thị trường phát triển từ tổ chức xếp hạng MSCI dù đã thực hiện nhiều cải cách thị trường từ đầu năm.
- ❖ Thanh khoản của VNIndex nằm trong top giảm sâu nhất trong danh sách theo dõi của chúng tôi với giá trị giao dịch trung bình hàng ngày thấp hơn 33% so với năm ngoái mặc dù đã được cải thiện trong hai tháng gần đây.

Định giá thị trường hiện tại



Định giá thị trường kỳ vọng



❖ P/E của VNIndex cuối tháng Sáu ở mức 13,8, thấp hơn mức trung bình 14,3 của các thị trường ASEAN, thấp hơn 14% so với trung bình 10 năm và thấp hơn 22% so với trung bình 3 năm. Trên quan điểm thận trọng, chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng EPS của VNIndex trong năm 2023 sẽ đạt 7,9% nhờ tăng trưởng của nhóm vận tải, ngân hàng, nguyên vật liệu và dịch vụ tài chính sẽ mang lại mức định giá VNIndex hấp dẫn để tích lũy cổ phiếu cho các nhà đầu tư. Chúng tôi cũng kỳ vọng rằng sẽ có dòng tiền nhàn rỗi mới chuyển sang thị trường chứng khoán trong bối cảnh lãi suất huy động giảm và thị trường trái phiếu doanh nghiệp ảm đạm, điều này có thể thấy qua lượng tài khoản mở mới tăng mạnh trong hai tháng gần đây. Lãi suất thấp cũng có thể cải thiện lợi nhuận của các công ty sử dụng nợ cao và thúc đẩy mở rộng kinh doanh bằng cách tăng đòn bẩy để nắm bắt cơ hội trong bối cảnh nhu cầu yếu từ cả thị trường bên trong và bên ngoài. Các yếu tố tích cực khác của thị trường là việc triển khai hệ thống giao dịch KRX đang trong giai đoạn thử nghiệm và chính phủ sẽ đẩy mạnh hơn nữa giải ngân đầu tư công.

❖ Các lo ngại hiện tại của nhà đầu tư chủ yếu đến từ bên ngoài với lo ngại suy thoái do giá cả cao kéo dài và lãi suất tiếp tục tăng, bất ổn địa chính trị thế giới và sự dịch chuyển của dòng vốn đầu tư nước ngoài. Trong nước, tình trạng thiếu điện gây gián đoạn sản xuất kinh doanh đang được khắc phục, rủi ro ngắn hạn trên thị trường trái phiếu vẫn còn do lượng lớn trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn trong quý II/2023, nhưng việc sàn giao dịch trái phiếu phát hành riêng lẻ chuẩn bị được khai trương vào tháng Bảy được kỳ vọng giúp cải thiện thanh khoản của trái phiếu doanh nghiệp, giảm áp lực cho các nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu.

Loại sự kiện	Ngày	Quốc gia	Sự kiện
Phái sinh	20-07-2023	Việt Nam	Ngày giao dịch cuối cùng của VN30F2307
Kinh tế vĩ mô	25-07-2023	Hoa Kỳ	FOMC họp
Kinh tế vĩ mô	27-07-2023	Nhật Bản	BOJ họp chính sách tiền tệ
Kinh tế vĩ mô	27-07-2023	Châu Âu	ECB họp chính sách tiền tệ
Index review	10-08-2023	Thế giới	MSCI Frontier Markets Indexes: Tái đánh giá hàng quý
Phái sinh	17-08-2023	Việt Nam	Ngày giao dịch cuối cùng của VN30F2308
Kinh tế vĩ mô	14-09-2023	Châu Âu	ECB họp chính sách tiền tệ
Kinh tế vĩ mô	19-09-2023	Hoa Kỳ	FOMC họp
Phái sinh	21-09-2023	Việt Nam	Ngày giao dịch cuối cùng của VN30F2309
Kinh tế vĩ mô	21-09-2023	Nhật Bản	BOJ họp chính sách tiền tệ
Tái đánh giá chỉ số	16-10-2023	Việt Nam	Tái đánh giá chỉ số VNDiamond
Kinh tế vĩ mô	26-10-2023	Châu Âu	ECB họp chính sách tiền tệ
Kinh tế vĩ mô	30-10-2023	Nhật Bản	BOJ họp chính sách tiền tệ
Kinh tế vĩ mô	31-10-2023	Hoa Kỳ	FOMC họp
Tái đánh giá chỉ số	14-11-2023	Thế giới	MSCI Frontier Markets Indexes: Đánh giá bán niên
Hàng Hóa	26-11-2023	Thế giới	OPEC+ họp
Kinh tế vĩ mô	12-12-2023	Hoa Kỳ	FOMC họp
Kinh tế vĩ mô	14-12-2023	Châu Âu	ECB họp chính sách tiền tệ

	Triển vọng ngắn hạn ¹	Thay đổi	Triển vọng dài hạn ²	Thay đổi
Tài chính				
Ngân hàng		-		-
Bảo hiểm		-		-
Chứng khoán		-		-
Bất động sản				
Bất động sản nhà ở		-		-
BĐS khu công nghiệp		-		-
Bất động sản bán lẻ		-		-
Bất động sản nghỉ dưỡng		-		-
Hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng				
FMCG				
Dệt may		-		-
Bán lẻ		-		-
Nguyên vật liệu				
Vật liệu xây dựng		-		▲
Logistics				
Vận tải đường bộ và biển		-		▼
Năng lượng				
Dầu khí		-		-
Điện		-		-
Chăm sóc sức khỏe				
Dược phẩm		-		-

Ngành Vật liệu xây dựng: Chúng tôi nâng triển vọng dài hạn cho ngành Vật liệu xây dựng từ trung tính lên tích cực nhờ việc đẩy mạnh đầu tư công có thể mang lại lợi ích cho ngành vật liệu xây dựng trong nửa cuối năm 2023.

¹ Dưới 3 tháng
² Trên 1 năm

Triển vọng ngành

Ngành:	TÀI CHÍNH	Phân ngành:	NGÂN HÀNG	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu:	VCB, CTG, TCB, MBB, STB
--------	-----------	-------------	-----------	----------------------	-----------	---------------------	----------	---------------	-------------------------

Tổng quan ngành

- Đến 20/6/2023, tăng trưởng tín dụng mới chỉ đạt 3,13% (theo TCTK). Tín dụng nửa đầu năm tăng trưởng chậm do nền kinh tế suy yếu và lãi suất cho vay ở mức cao. Thanh khoản hệ thống ngân hàng dồi dào và tỷ giá ổn định tạo điều kiện cho NHNN 4 lần giảm lãi suất kể từ đầu năm đến nay. Định hướng chính sách tiền tệ theo hướng nới lỏng hỗ trợ nền kinh tế vốn đang chịu sức ép từ vĩ mô trong nước và quốc tế.
- Kết quả kinh doanh Q1/23 của ngành ngân hàng suy yếu theo diễn biến chung của nền kinh tế. Thống kê cho thấy tổng lợi nhuận trước thuế Q1/23 của các ngân hàng trong VN-Index giảm 3,9% n/n và tăng 21,5% q/q.
- Thu nhập lãi thuần tiếp tục là trụ cột đóng góp chính vào KQKD của các ngân hàng, tăng trưởng 14,1% n/n. NIM giảm nhẹ 4 điểm cơ bản n/n nhưng giảm 16 điểm cơ bản q/q do kỳ điều chỉnh lãi suất cho vay chậm hơn lãi suất huy động.
- Thu nhập ngoài lãi sụt giảm mạnh 22,2% n/n do các hoạt động kinh doanh ngoại hối, chứng khoán, dịch vụ IB, banca và thu hồi nợ xấu ngoại bằng đều gặp khó khăn.
- Chất lượng tài sản suy giảm mạnh trong Q1/23. Tỷ lệ nợ xấu tăng 30 điểm cơ bản q/q lên mức 1,77%, tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng 68 điểm cơ bản q/q lên 2,48%.
- Nợ quá hạn tăng cao trong khi các ngân hàng chủ động trích lập dự phòng ở mức vừa phải để bảo vệ lợi nhuận. Điều đó khiến bộ đệm dự phòng của các ngân hàng tiếp tục bị bào mòn, tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm xuống 118% từ mức 138% ở cuối quý trước.

Triển vọng

- Lãi suất huy động tiếp tục xu hướng giảm sẽ giảm chi phí vốn của các ngân hàng trong nửa cuối năm 2023. Tuy nhiên, NIM sẽ phục hồi chậm do các gói hỗ trợ lãi suất cho vay của các ngân hàng.
- Tăng trưởng tín dụng dự báo cải thiện hơn trong nửa cuối năm khi lãi suất cho vay dần điều chỉnh giảm. NHNN duy trì định hướng tăng trưởng tín dụng 14-15% trong năm 2023.
- Chi phí dự phòng dự báo sẽ ở mức cao trong những quý tới do nợ xấu có thể tiếp tục tăng do nền kinh tế suy yếu và bộ đệm dự phòng của các ngân hàng không còn dày như trước.
- Chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận năm 2023 của các ngân hàng sẽ tăng trưởng 10%, thấp hơn so với mức tăng trưởng 35% của năm 2022.
- Các ngân hàng có quản trị rủi ro tốt và/hoặc bộ đệm dự phòng dày như VCB, BID, CTG, ACB và STB có thể giữ được mức tăng trưởng lợi nhuận cao hơn mức trung bình ngành.

Triển vọng ngành

Ngành:	TÀI CHÍNH	Phân ngành:	BẢO HIỂM	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	BVH, PVI
Tổng quan ngành						Triển vọng			
- Trong 9T2022, tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ ước đạt 127.511 tỷ đồng, tăng 16,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, phí bảo hiểm nhân thọ khai thác mới chỉ tăng 6,35%, đạt 37.677 tỷ đồng. - Đối với mảng bảo hiểm phi nhân thọ, tổng doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 49.792 tỷ đồng, tăng 19,1% so với cùng kỳ. - Tuy nhiên, sang năm 2023, phí bảo hiểm có dấu hiệu suy giảm. Tổng doanh thu phí bảo hiểm Q2/23 ước đạt 61.300 tỷ đồng, giảm 3,12% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, tổng doanh thu phí bảo hiểm ước đạt 117.000 tỷ đồng, giảm 1,62% so với cùng kỳ.						- Lãi suất giảm mạnh sẽ làm giảm thu nhập từ tiền gửi ngân hàng của các công ty bảo hiểm. Lãi suất giảm cũng làm tăng chi phí trích lập dự phòng toán học, tác động tiêu cực đến lợi nhuận của các công ty bảo hiểm nhân thọ. - Về triển vọng dài hạn, thị trường bảo hiểm nhân thọ của Việt Nam vẫn còn nhiều tiềm năng tăng trưởng. Tỷ lệ dân số có bảo hiểm nhân thọ đến cuối năm 2021 mới chỉ đạt 11%. Chúng tôi kỳ vọng tốc độ tăng trưởng doanh số bảo hiểm nhân thọ trong 5 năm tới đạt 15%/năm. Tuy nhiên, mức độ cạnh tranh trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ ngày càng lớn với sự xâm nhập của các công ty bảo hiểm nước ngoài. - Đối với mảng bảo hiểm phi nhân thọ, chúng tôi kỳ vọng doanh số ngành bảo hiểm phi nhân thọ sẽ có tốc độ tăng trưởng ở mức 1 chữ số mỗi năm trong 5 năm tới.			

Triển vọng ngành									
Ngành:	TÀI CHÍNH	Phân ngành:	CHỨNG KHOÁN	Triển vọng ngắn hạn:	TÍCH CỰC	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	SSI, HCM, VCI, VND
Tổng quan ngành						Triển vọng			
- Lĩnh vực môi giới chứng khoán tại Việt Nam vẫn còn nhiều tiềm năng tăng trưởng với tốc độ cao. Số lượng tài khoản mở mới trong năm 2022 đạt 2,6 triệu tài khoản, gấp gần 2 lần năm 2021. Chính phủ đặt mục tiêu nâng tỷ lệ người dân tham gia thị trường chứng khoán lên 5% vào năm 2025 và 10% vào năm 2030. - Trong ngắn và trung hạn, việc giảm lãi suất của NHNN sẽ có tác động tích cực lên thị trường chứng khoán cũng như kết quả kinh doanh của các công ty chứng khoán. Thị trường phục hồi với thanh khoản cải thiện sẽ hỗ trợ tích cực cho mảng môi giới, cho vay ký quỹ và tự doanh của các công ty chứng khoán.						- Thị trường vốn của Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn phát triển và còn nhiều tiềm năng tăng trưởng, đặc biệt là lĩnh vực tư vấn và bảo lãnh phát hành, mặc dù đối mặt với một số sự cố trong ngắn hạn, qua đó mở ra nhiều cơ hội từ mảng kinh doanh giàu tiềm năng này cho các công ty chứng khoán. - Lĩnh vực môi giới chứng khoán mặc dù có nhiều dư địa tăng trưởng nhưng đồng thời có mức độ cạnh tranh rất cao. Tại Việt Nam có rất nhiều công ty chứng khoán trong khi sản phẩm ít có sự khác biệt.			

Triển vọng ngành

Ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN	Phân ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN NHÀ Ở	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	VHM, KDH, NLG
--------	--------------	-------------	--------------------	----------------------	-----------	---------------------	-----------	---------------	---------------

Tổng quan ngành

- Thị trường Q1/23 ghi nhận sự sụt giảm mạnh về nguồn cung và doanh số do thị trường BĐS gặp nhiều khó khăn như lãi suất cao, thanh khoản thấp, nguồn cung hạn chế, ...
- Trong Q1/23, TP.HCM mở bán 2.900 căn hộ mới (tăng gấp đôi cùng kỳ năm ngoái) và bán được 960 căn hộ (-23% n/n). Giá bán sơ cấp trung bình đi ngang quanh mức 2.500 USD/m2. Không có nguồn cung mới trong phân khúc nhà liền thổ và chỉ có 45 căn được bán ra trong Q1/23.
- Trong Q1/23, Hà Nội chào đón nguồn cung mới gần 2.000 căn hộ (-44% n/n), thấp nhất kể từ Q1/20 và bán hơn 2.000 căn (-58% n/n). Giá bán sơ cấp trung bình tăng 20% theo năm, đạt 1.992 USD/m2. Thị trường nhà liền thổ chào đón 1.250 căn mới, bằng 1/5 so với Q4/22 và bán được 1.130 căn, tương đương Q4/22.
- NHNN phê duyệt gói tín dụng 120.000 tỷ đồng cho nhà ở xã hội và nhà ở cho công nhân.
- NHNN đề xuất dự thảo sửa đổi Thông tư 16 về việc tổ chức tín dụng mua bán trái phiếu doanh nghiệp, trong đó đề xuất cho phép ngân hàng mua lại trái phiếu doanh nghiệp đến ngày 31/12/2023 sẽ tăng thanh khoản trên thị trường trái phiếu – nguồn vốn lớn thứ hai cho ngành BĐS.
- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và sẽ được áp dụng từ ngày 20/5/2023. Một os61 điểm nổi bật là cho phép cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho người mua các dự án kinh doanh BĐS không phải dự án phát triển nhà ở. Qua đó, rút ngắn thời gian tính tiền sử dụng đất và thời gian giao đất, v.v. Nghị định này có tác động tích cực đến tâm lý thị trường, đẩy nhanh quá trình phát triển dự án, giúp hồi phục nguồn cung thị trường BĐS và niềm tin của người mua nhà.

Triển vọng

- Thách thức chính: tín dụng bị kiểm soát chặt chẽ, thị trường trái phiếu doanh nghiệp khó khăn, quá trình phê duyệt dự án chậm, lãi suất cao. Hoạt động đầu cơ tài sản khiến chi phí giải phóng mặt bằng ở mức cao, gây khó khăn cho việc phát triển các dự án mới.
- Nguồn cung mới hạn chế, trong đó đa số là sản phẩm của phân khúc cao cấp.
- Giá bán dự kiến đi ngang hoặc giảm.
- Chủ đầu tư dự kiến sẽ đưa ra những gói hỗ trợ hấp dẫn hơn để kích cầu.

Triển vọng ngành

Ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN	Phân ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN KHU CÔNG NGHIỆP	Triển vọng ngắn hạn:	TÍCH CỰC	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu:	KBC, SIP, IDC
--------	--------------	-------------	---------------------------------	----------------------	----------	---------------------	----------	---------------	---------------

Tổng quan ngành

- **Thị trường phía Bắc:** Tính đến cuối Q1/23, nguồn cung đất công nghiệp khu vực 1 (bao gồm Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên) đạt khoảng 15.500 ha nhờ có thêm 3 KCN mới với tổng diện tích 528ha ở Bắc Ninh và Hải Dương, dẫn đến tỷ lệ lấp đầy trung bình giảm nhẹ xuống 80,6% (-2,2 điểm % q/q). Giá cho thuê trung bình ở mức 123USD/m2/thời hạn thuê còn lại (+2% q/q) trong đó Bắc Ninh và Hải Dương ghi nhận mức tăng cao nhất là 3-5%.
- **Thị trường phía Nam:** Tính đến cuối Q1/23, nguồn cung đất công nghiệp khu vực 1 (bao gồm TP.HCM, Bình Dương, Đồng Nai, Long An) đạt 32.432 ha nhờ thêm KCN Nam Tân Uyên Giai đoạn 3 mở rộng 346ha. Tỷ lệ lấp đầy đạt 85% và giá thuê tăng 9% n/n lên 173 USD/m2/thời hạn thuê còn lại.
- Một số khách thuê cắt giảm nhân sự và giờ làm do nhận được ít đơn đặt hàng hơn.
- Theo dự thảo Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết 54, TP.HCM đưa ra phương án Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP.HCM và Ban quản lý Các khu chế xuất và công nghiệp TP.HCM (Hepza) được quyền phê duyệt, điều chỉnh nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 trong phạm vi các Khu để rút ngắn thời gian hoàn thiện hồ sơ pháp lý dự án.

Triển vọng

- Hưởng lợi từ xu hướng mở rộng/di dời/đa dạng hóa cơ sở sản xuất của các tập đoàn đa quốc gia.
- Bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thế giới suy giảm.
- Dự kiến nguồn cung đất công nghiệp ở phía Bắc nhiều hơn phía Nam nhờ cơ sở hạ tầng phát triển.
- KCN thông minh, KCN sinh thái, sản phẩm có thể linh hoạt chuyển đổi giữa nhà xưởng và nhà kho, nhà xưởng/nhà kho nhiều tầng sẽ ngày càng phổ biến.
- Giá thuê có thể sẽ tiếp tục tăng nhưng với tốc độ chậm hơn.
- Hoạt động đầu cơ tài sản làm tăng chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Tóm tắt ngành: Bất động sản bán lẻ & nghỉ dưỡng

Kinh tế vĩ mô

Thị trường vốn

Chủ đề thời sự

Tóm tắt ngành

Triển vọng ngành

Ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN	Phân ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN BÁN LẺ	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	VRE
--------	--------------	-------------	---------------------	----------------------	-----------	---------------------	-----------	---------------	-----

Tổng quan ngành

- Không có nguồn cung mới ở TP.HCM và Hà Nội.
- **TP.HCM:** Trong Q1/23, giá thuê ổn định ở mức 224 USD/m2/tháng tại khu vực trung tâm và 41 USD/m2/tháng tại khu vực ngoài trung tâm; tỷ lệ trống là 6,0% (+2,5 điểm % n/n) tại khu vực trung tâm và 10,7% (-3 điểm % n/n) tại khu vực ngoài trung tâm.
- **Hà Nội:** Trong Q1/23, giá thuê đi ngang ở mức 144 USD/m2/tháng tại khu vực trung tâm và 27 USD/m2/tháng tại khu vực ngoài trung tâm; tỷ lệ trống ổn định ở mức 4,8% (-8,1 điểm % n/n và không đổi theo quý) tại khu vực trung tâm và 14,7% (-2,1 điểm % n/n và +1,1 điểm % q/q) tại khu vực ngoài trung tâm.

Triển vọng

- Nguồn cung mới dự kiến sẽ cải thiện.
- Tỷ lệ lấp đầy dự kiến đi ngang.
- Người tiêu dùng thích ứng nhanh chóng với mua sắm trực tuyến trong thời kỳ đại dịch có thể hạn chế sự phát triển của phân khúc này.
- Nỗi lo về lạm phát và lãi suất có thể ảnh hưởng đến nhu cầu mua sắm hàng hóa không thiết yếu.

Ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN	Phân ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN NGHỈ DƯỠNG	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	CEO, NVL
--------	--------------	-------------	-------------------------	----------------------	-----------	---------------------	-----------	---------------	----------

Tổng quan ngành

- Thị trường Q1/23 chứng kiến sự sụt giảm mạnh về nguồn cung mới và tỷ lệ hấp thụ.
- Có 42 biệt thự biển (tương đương 4% Q1/22), 21 nhà phố/shophouse (tương đương 1% Q1/22) và 198 condotel (-69 n/n) được mở bán trong Q1/23 với tỷ lệ hấp thụ lần lượt là 21% (-35 đpt n/n), 57% (-27 đpt n/n) và 3% (-34 đpt n/n)
- Thị trường tín dụng bị kiểm soát chặt chẽ có thể khiến các dự án nghỉ dưỡng gặp khó khăn trong việc đảm bảo nguồn tài chính cho các dự án sắp tới.
- Nghị định 10/2023/NĐ-CP cho phép cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tài sản là đất trong các dự án không phải là nhà ở. Như vậy, người mua biệt thự biển và các bất động sản nghỉ dưỡng khác sẽ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Điều này có tác động tích cực đến thị trường.

Triển vọng

- Nguồn cung mới dự kiến giảm.
- Tỷ lệ hấp thụ dự kiến thấp.
- Hưởng lợi từ việc Trung Quốc mở cửa trở lại.
- Nhu cầu du lịch bị ảnh hưởng bởi nỗi lo về lạm phát và suy thoái kinh tế.

Triển vọng ngành

Ngành:	HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ TIÊU DÙNG	Phân ngành:	FMCG	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu:	SAB, MSN, VNM
--------	-------------------------------	-------------	------	----------------------	-----------	---------------------	----------	---------------	---------------

Tổng quan ngành

- Thực phẩm tươi và hàng tiêu dùng nhanh chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi tiêu của người tiêu dùng (trước COVID-19: 26,8% trong năm 2019 theo số liệu của Kantar).
- Duy trì tăng trưởng ổn định trước COVID-19 nhờ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người và niềm tin người tiêu dùng. Kinh tế vĩ mô ổn định cũng đóng góp vào sự tăng trưởng của ngành này.
- Tuy bị ảnh hưởng của COVID-19, mức chi tiêu hàng tháng cho hàng tiêu dùng nhanh cũng tăng trưởng ổn định trong 5 năm vừa qua.
- Trong khi hậu quả do việc gián đoạn trong chuỗi cung ứng toàn cầu do Covid-19 gây ra vẫn chưa được khắc phục hoàn toàn, những tác động tiêu cực thêm từ cuộc chiến ở Ukraine đã đẩy giá hàng hóa lên cao hơn nữa. Điều này cùng với những tác động từ các chính sách tiền tệ đã khiến lạm phát tăng cao trên toàn cầu. Tuy vậy, CPI của Việt Nam vẫn nằm trong kế hoạch do Chính phủ đề ra cho thấy lạm phát vẫn còn kiểm soát được. Dù vậy, Lạm phát sẽ là một trong những rủi ro quan trọng trong giai đoạn tới cần phải lưu ý.

Triển vọng

- Đối với năm 2023, tình hình kinh tế vĩ mô xấu đi đã ảnh hưởng tiêu cực đến các công ty trong ngành cụ thể là ngành hàng tiêu dùng không thiết yếu. Trong khi đó, ngành hàng tiêu dùng thiết yếu vẫn duy trì KQKD trước những khó khăn từ điều kiện vĩ mô. KQKD Q1 của SAB giảm 15% trong khi KQKD của MCH và VNM lần lượt giảm nhẹ 3% và đi ngang.
- Trong ngắn hạn, tình hình kinh tế vĩ mô sẽ tiếp tục là yếu tố chính ảnh hưởng đến các công ty trong ngành đặc biệt là công ty ngành hàng tiêu dùng không thiết yếu.
- Tuy vậy, triển vọng dài hạn vẫn được hỗ trợ bởi các yếu tố nền kinh tế đang phát triển, dân số lớn, trẻ và ưa thích kết nối, quá trình đô thị hóa, thu nhập gia tăng và mức sống cao hơn, tầng lớp trung lưu mở rộng.

Triển vọng ngành								
Ngành:	HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ TIÊU DÙNG	Phân ngành:	DỆT MAY	Triển vọng ngắn hạn:	TIÊU CỰC	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu: MSH, STK, TCM, TNG
Tổng quan ngành					Triển vọng			
- Một trong những trụ cột xuất khẩu quan trọng, đóng góp ~ 12% vào tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam. - Sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu (vd: Trung Quốc) là vấn đề trăn trở đối với các thành viên trong ngành trong nhiều năm qua bất kể nhiều nỗ lực nhằm tăng tỷ lệ nội địa hóa. - Mỹ, các nước CPTPP và EU là những khách hàng lớn nhất. Việt Nam là một trong số các quốc gia có thị phần xuất khẩu hàng dệt may vào Mỹ gia tăng trong những năm gần đây trong khi thị phần của Trung Quốc có xu hướng giảm. - Gia công theo hình thức CMT vẫn là loại đơn hàng phổ biến nhất mà các nhà sản xuất Việt Nam nhận được, tuy nhiên, ngày càng nhiều nhà sản xuất cố gắng tiếp cận các loại đơn hàng cao hơn (vd: FOB) trong chuỗi giá trị của ngành để nâng cao biên lợi nhuận. - Ngành chứng kiến tình trạng đơn hàng sụt giảm trong nửa sau năm 2022 và những tháng đầu năm 2023 do tồn kho cao, người tiêu dùng cắt giảm chi tiêu trong bối cảnh lạm phát và bất ổn kinh tế tại một số quốc gia nhập khẩu lớn. Các nhà sản xuất còn phải đối mặt với tình trạng đơn giá giảm, quy mô đơn hàng nhỏ, thời gian giao hàng ngắn hơn, yêu cầu chuyển đổi sang một số nguyên liệu tái chế, v.v. Giá trị xuất khẩu của ngành ước tính đạt 17,2 tỷ USD trong giai đoạn từ đầu năm 2023 đến đầu tháng 6/2023, giảm 17,2% so với cùng kỳ năm trước.					- Tình trạng đơn hàng sụt giảm do nhu cầu yếu ở các nước nhập khẩu vẫn còn tiếp diễn, đặt ra lo ngại về khả năng hoàn thành mục tiêu xuất khẩu dệt may 2023. Trong năm 2023, ngành dệt may Việt Nam đề ra hai kịch bản tăng trưởng gồm kịch bản tích cực có thể đạt giá trị xuất khẩu là 47-48 tỷ USD với kỳ vọng nhu cầu hồi phục trong nửa sau năm 2023 và 45-46 tỷ USD cho kịch bản còn lại kém tích cực hơn. - Trong viễn cảnh dài hơn, chúng tôi kỳ vọng ngành dệt may Việt Nam sẽ tiếp tục vai trò không chỉ là trụ cột quan trọng trong xuất khẩu của cả nước mà còn là nhà xuất khẩu dệt may lớn trên thế giới. Việt Nam được xem là một trong những địa điểm sản xuất hấp dẫn với chi phí lao động thấp và lực lượng lao động lớn. - Lợi thế về chi phí lao động có thể không bền vững khi nhiều đối thủ khác đang nổi lên, do đó, ngành cần có những bước tiến mạnh mẽ hơn về cải thiện tỷ lệ giá trị gia tăng, giảm phụ thuộc vào nguồn cung Trung Quốc/nguyên liệu nhập khẩu (mà vẫn phải đảm bảo an toàn môi trường), tăng sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao hơn, v.v Ngoài ra, các công ty sản xuất dệt may Việt Nam còn đối mặt với sức ép gia tăng về việc đáp ứng các yêu cầu phát triển xanh, bền vững từ đối tác nhập khẩu.			

Triển vọng ngành

Ngành:	HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ TIÊU DÙNG	Phân ngành:	BÁN LẺ	Triển vọng ngắn hạn:	TIÊU CỰC	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu:	MWG, FRT, PNJ
--------	-------------------------------	-------------	--------	----------------------	----------	---------------------	----------	---------------	---------------

Tổng quan ngành

- Là thành phần quan trọng góp phần quan trọng vào sự tăng trưởng kinh tế.
- Thị trường năng động với sự tham gia của đông đảo tên tuổi trong và ngoài nước.
- Mặc dù kênh thương mại truyền thống vẫn chiếm tỷ lệ áp đảo nhưng xu hướng bán lẻ hiện đại và bán hàng trực tuyến ngày càng chứng tỏ sức mạnh của mình. Trong xu thế đó, hàng loạt chuỗi bán lẻ - với nhiều mặt hàng khác nhau từ FMCG, thiết bị công nghệ, thiết bị gia dụng, thời trang đến phụ kiện cá nhân, thực phẩm ăn uống v.v. - đã nở rộ tại Việt Nam.
- Các công ty bán lẻ niêm yết ghi nhận tăng trưởng doanh thu khả quan nhờ nhu cầu hồi phục trong những tháng đầu năm và nền thấp trong Q3/2021, như MWG (+18% n/n trong 9T2022), FRT (+55% n/n trong 9T2022) và PNJ (+104% n/n trong 9T2022). Tuy nhiên, sức mua suy yếu trong bối cảnh kinh tế khó khăn khiến hầu hết các công ty có kết quả kinh doanh trong Q4/2022 và Q1/2023 kém khả quan (doanh thu MWG: -26% n/n trong Q1/2023, PNJ: -3,8% n/n trong Q1/2023, FRT: +0% n/n trong Q1/2023). Các công ty tiếp tục giữ quan điểm thận trọng về triển vọng kinh doanh trong 2023 (ít nhất là 6T2023), bởi những lo ngại về sự ổn định của thu nhập/việc làm trong bối cảnh kinh tế khó khăn hơn và tình trạng sa thải ở nhiều công ty có thể khiến người tiêu dùng cân nhắc nhiều hơn trước các quyết định chi tiêu.

Triển vọng

- Triển vọng ngành được kỳ vọng sẽ tốt hơn từ nửa cuối năm 2023 với nhiều dự phóng cho thấy bức tranh kinh tế có thể lạc quan hơn trong giai đoạn này.
- Triển vọng dài hạn được hỗ trợ bởi các yếu tố như nền kinh tế đang phát triển, dân số lớn, trẻ và ưa thích kết nối, quá trình đô thị hóa, thu nhập gia tăng và mức sống cao hơn, tầng lớp trung lưu mở rộng.
- Bán hàng trực tiếp tại cửa hàng sẽ vẫn là một kênh quan trọng nhưng bán hàng trực tuyến cũng ngày càng khẳng định vai trò của mình, trở nên phổ biến hơn với nhiều người tiêu dùng ngay cả sau khi dịch bệnh COVID-19 đã hạ nhiệt. Theo đó, hoạt động bán hàng đa kênh ngày càng trở thành một phần không thể thiếu trong chiến lược kinh doanh của các công ty.

Triển vọng ngành

Ngành:	NGUYÊN VẬT LIỆU	Phân ngành:	VẬT LIỆU XÂY DỰNG	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu:	HPG, HSG, HT1, KSB
--------	-----------------	-------------	-------------------	----------------------	-----------	---------------------	----------	---------------	--------------------

Tổng quan ngành

- Giá thép thanh vân toàn cầu dao động quanh mức 500 USD/tấn trong suốt tháng 6 trong khi thị trường thép thế giới hiện đang thiếu đi các thông tin chính ảnh hưởng đến triển vọng nhu cầu. Trong khi đó, thị trường thép đường như duy trì ở mức hiện tại trong bối cảnh ít thông tin có thể ảnh hưởng lớn đến triển vọng giá thép.
- Cơ sở hạ tầng ở Trung Quốc có thể sẽ khiến tăng trưởng thấp hơn do chi tiêu vào đầu tư cơ sở hạ tầng, cộng với sự trì trệ trong phục hồi ngành BĐS nước này đến cuối năm 2023, chịu ảnh hưởng bởi nợ tăng cao và doanh số bán đất giảm, ảnh hưởng đến các loại thuế liên quan đến bất động sản. Do đó, sự phục hồi của nhu cầu thép Trung Quốc có thể chậm hơn dự kiến.
- Sản lượng bán thép xây dựng tại Việt Nam vẫn tăng trưởng âm so với cùng kỳ do ngành bất động sản vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi mạnh.
- Giá than luyện cốc và giá quặng sắt biến động trong thời gian gần đây có thể ảnh hưởng đến biên lợi nhuận gộp của các doanh nghiệp sản xuất thép trong khi nguồn cung từ Australia và Brazil rất bất ổn. Mặc dù giá than cốc và quặng sắt đang giảm, nhưng do các doanh nghiệp thép có thời gian hàng tồn kho cao, nên có thể bị ảnh hưởng bởi lượng nguyên liệu đã mua giá cao trước đó.

Triển vọng

- Tốc độ phục hồi của ngành thép trong nước được dự báo là khá chậm, đồng thời bị ảnh hưởng bởi tốc độ phục hồi của mảng phát triển bất động sản nhà ở. Thị trường thép trong nước cũng đang phải đối mặt với sự cạnh tranh từ nước ngoài trong khi chi phí sản xuất thép toàn cầu và chi phí trong nước hầu hết ở mức tương đương.
- Trong bối cảnh giảm điểm của thị trường thép Việt Nam, có một số điểm sáng cho các ông lớn thép trong nước, khi họ đang dần giành thị phần từ các ông lớn thép nhỏ, như Hòa Phát đã tăng thị phần từ 32% năm 2021 lên 36,2%. năm 2022 các nhà sản xuất thép khác như Nam Kim, thép VN hay Đông Á cũng tăng thị phần thêm 1-2% trong năm 2022.
- Triển vọng trung hạn cho vật liệu xây dựng vẫn mờ mịt khi Trung Quốc vẫn đối mặt với rủi ro thị trường bất động sản phục hồi chậm, ảnh hưởng đến mặt bằng thị trường thép mặc dù chính phủ Trung Quốc đã tung ra gói tín dụng để hỗ trợ các dự án xây dựng hiện tại nhưng hoạt động xây dựng vẫn được báo cáo là thấp. Hiện tại đầu tư công vẫn đang là động lực chính dẫn dắt ngành thép cho đến cuối năm 2023.

Triển vọng ngành

Ngành:	LOGISTICS	Phân ngành:	VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG BIỂN	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	GMD, TCL, VSC
--------	-----------	-------------	------------------------------	----------------------	-----------	---------------------	-----------	---------------	---------------

Tổng quan ngành

- Chỉ số Cước vận tải toàn cầu giảm xuống mức dưới 1300 điểm (-5.7% MoM). Chỉ số cước vận tải biển toàn cầu tiếp tục giảm cho thấy nhu cầu vận tải biển toàn cầu đang giảm trong khi triển vọng kinh tế toàn cầu vẫn chưa rõ ràng.
- Chỉ số vận tải container quốc tế giảm 5.7% trong tháng 6 do hoạt động thương mại quốc tế chậm lại, chủ yếu đến từ Trung Quốc và các nền kinh tế lớn, cho thấy sức tiêu thụ toàn cầu vẫn eo hẹp.
- Mặc dù Trung Quốc đã mở cửa trở lại nền kinh tế nhưng tác động đối với nền kinh tế toàn cầu vẫn chưa được thể hiện trên thị trường logistic toàn cầu. Giá cho các dịch vụ vận chuyển toàn cầu vẫn đang trong xu hướng giảm, có nghĩa là lưu lượng giao dịch toàn cầu thấp hơn.
- Tình trạng chậm phê duyệt tại biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc đã được giải quyết một phần. Mặc dù Trung Quốc vẫn chưa mở cửa hoàn toàn biên giới khi dịch bệnh vẫn còn ảnh hưởng một phần nhưng việc mở cửa một phần biên giới Việt - Trung có thể hỗ trợ xuất khẩu trái cây Việt Nam, qua đó giúp đẩy mạnh hoạt động vận tải đường bộ.

Triển vọng

- Mặc dù thương mại toàn cầu suy yếu, thương mại Việt Nam tháng 6 đã phục hồi nhẹ ở mức 3.6% so với tháng trước (-14.1% so với cùng kỳ năm trước).
- Sau 6 tháng, tổng giá trị xuất nhập khẩu Việt Nam đã giảm 15.2% so với cùng kỳ năm 2022.
- Việc xuất nhập khẩu suy giảm có thể ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của ngành.
- Nhiều khả năng chỉ tiêu tăng trưởng tổng kim ngạch xuất khẩu 6% mà bộ công thương đề ra sẽ khó có thể đạt được, khi mà thị trường của sản phẩm xuất khẩu lớn nhất là điện thoại di động đang suy yếu, cụ thể kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng điện thoại di động sau 5 tháng đã giảm hơn 16%.

Triển vọng ngành

Ngành:	NĂNG LƯỢNG	Phân ngành:	DẦU KHÍ	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	GAS, PVD, PVS, PLX
--------	------------	-------------	---------	----------------------	-----------	---------------------	-----------	---------------	--------------------

Tổng quan ngành

- Sau khi bật tăng mạnh vào đầu tháng 4 nhờ quyết định cắt giảm sản lượng của OPEC hơn 1,1 triệu thùng/ ngày, giá dầu Brent đã điều chỉnh giảm và dao động trong biên độ thấp hơn 70-80 USD/thùng trong tháng 5 trong bối cảnh nhu cầu toàn cầu bất ổn trước lo ngại suy thoái kinh tế thế giới.
- Trong tháng 6, các nhà sản xuất OPEC+ vừa đồng ý gia hạn mức cắt giảm sản lượng đã thông báo vào tháng 4, đến hết năm 2024 trong khi Saudi cũng cam kết cắt giảm thêm 1 triệu thùng/ngày trong 1 tháng bắt đầu từ tháng 7. Tuy nhiên, lo ngại ngày về nhu cầu/suy thoái kinh tế toàn cầu đã nhanh chóng làm lu mờ tác động tích cực dự kiến của quyết định này.
- Giá dầu Brent trung bình dự kiến sẽ giảm xuống 85 USD/thùng vào năm 2023. Do đó, giá dầu giảm sẽ kéo giá bán khí của (HSX: GAS). Hơn nữa, giá dầu biến động mạnh như hiện nay có thể gây tác động tiêu cực đến (HSX: PLX) do PLX phải duy trì lượng hàng tồn kho tối thiểu 20 ngày để đáp ứng nhu cầu trong nước và đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Mặt khác, việc chậm triển khai các dự án dầu khí mới sẽ tiếp tục gây áp lực lớn lên khối lượng công việc cho mảng Cơ khí & Xây lắp của (HNX: PVS).
- Ngoài ra, trữ lượng dầu khai thác của nước ta đang trong quá trình suy giảm. Hầu hết các mỏ dầu lớn giá rẻ đều đã được khai thác trong một thời gian dài và hiện đang trong giai đoạn cuối trong khi các vị trí dự kiến phát triển mới đa số là mỏ nhỏ. Việc thiếu các hoạt động thăm dò do giá dầu thấp trong những năm vừa qua đã dẫn đến sự sụt giảm lớn trong việc gia tăng trữ lượng dầu khí của Việt Nam từ 2016.

Triển vọng

- Đối với cả năm 2023, nhu cầu dầu mỏ dự kiến sẽ đi ngang do lo ngại ngày càng tăng về nhu cầu/suy thoái kinh tế toàn cầu sau khi tăng tốt nhờ sự phục hồi của các hoạt động kinh tế, nhu cầu vận tải và tiến độ tiêm chủng vào năm 2022. Hơn nữa, mặc dù Trung Quốc bắt đầu mở cửa trở lại cho du lịch quốc tế từ tháng 1/2023, tác động tích cực từ diễn biến này lên nhu cầu dầu mỏ có thể chậm do số ca lây nhiễm và tử vong ở Trung Quốc vẫn đang gia tăng.
- Về phía cung, nguồn cung dầu vẫn bị thắt chặt do các biện pháp trừng phạt hiện tại và sắp tới đối với dầu thô + sản phẩm lọc hóa dầu Nga của Mỹ, Anh và EU sẽ tiếp tục gây ra áp lực lớn
- Tuy nhiên, các lệnh trừng phạt lên dầu thô Venezuela có thể được xem xét dỡ bỏ. Sản lượng dầu thô từ Mỹ và các nước ngoài OPEC dự kiến cũng sẽ tăng trở lại từ 2023. Nhờ đó mà các căng thẳng về nguồn cung sẽ dần được cải thiện.

⇒ Giá dầu Brent trung bình dự kiến sẽ giảm xuống 85 USD/thùng

Rủi ro

- Suy thoái kinh tế thế giới + Biến thể COVID mới làm giảm nhu cầu dầu khí
- Áp dụng các lệnh trừng phạt lên nguồn dầu khí từ Nga
- Lo ngại về biến đổi khí hậu, doanh số ô tô điện và việc gia tăng đầu tư vào năng lượng xanh.

Triển vọng ngành

Ngành:	NĂNG LƯỢNG	Phân ngành:	ĐIỆN	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu:	REE, POW, QTP, NT2, PC1
--------	------------	-------------	------	----------------------	-----------	---------------------	----------	---------------	-------------------------

Tổng quan ngành

- Lũy kế 5T2023, sản lượng điện tiêu thụ lũy kế tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2022; trong đó nhiệt điện than vẫn chiếm tỷ trọng đáng kể.
- Tháng 5/2023, sản lượng điện sản xuất toàn hệ thống đạt 23,34 tỷ kWh, lũy kế 4T2023 sản lượng điện đạt 108,95 tỷ kWh (+4,1% svck), trong đó:
 - Thủy điện: 30,53 tỷ kWh, chiếm 28,0% tổng sản lượng.
 - Nhiệt điện than: 48,12 tỷ kWh, chiếm 44,2% tổng sản lượng.
 - Nhiệt điện dầu khí: 12,97 tỷ kWh, chiếm 11,9% tổng sản lượng.
 - Năng lượng gió & mặt trời: 16,2 tỷ kWh, chiếm 14,8% tổng sản lượng.
 - Năng lượng nhập khẩu: 853 tr kWh, chiếm 0,8% tổng sản lượng.
- Trong 5 tháng đầu năm 2022, EVN và các đơn vị đã khởi công 51 công trình và hoàn thành đóng điện, đưa vào vận hành 41 công trình lưới điện từ 110 kV đến 500kV (bao gồm: 04 công trình 500kV, 06 công trình 220kV và 31 công trình 110kV). Trong đó đã đóng điện đường dây 500kV Quảng Trạch – Dốc Sỏi và sân phân phối 500kV Quảng Trạch; đóng điện 01 mạch đường dây 220kV Lào Cai – Bảo Thắng; trạm biến áp 220kV Tương Dương; nâng công suất trạm biến áp 500kV Nhà Bè và Ô Môn. Đối với các dự án nguồn điện như: Dự án Nhà máy Thủy điện Ialy mở rộng: Khối lượng thi công cơ bản đạt kế hoạch; Dự án cơ sở hạ tầng Quảng Trạch: tiếp tục tập trung thi công sau khi hạng mục cảng nhập than và đề chắn sóng được phê duyệt đợt 1.

Triển vọng

- Ngành điện trong ngắn hạn vẫn mang gam màu xám cùng chung bối cảnh về tương lai ảm đạm của nền kinh tế khi chỉ số PMI tháng 6 vẫn dưới mức trung bình 50, mặc dù đã có cải thiện so với tháng trước, đạt 46,2. Đây là tháng thứ 7 kể từ lần đầu tiên vào tháng 11 năm ngoái chỉ số này rơi xuống dưới mức trung bình sau đại dịch COVID-19, phản ánh phần nào sự sụt giảm trong hoạt động sản xuất kinh doanh và các đơn hàng mới. Chúng tôi cho rằng điều này sẽ kéo theo sự sụt giảm về nhu cầu điện năng chung. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ điện có thể vẫn tạm tăng trong những tháng nắng nóng do nhu cầu tăng cao từ việc sử dụng các thiết bị điều hòa nhiệt độ.
- Chúng tôi cho rằng tình hình thiếu điện cục bộ ở các tỉnh phía Bắc sẽ phần nào dịu đi trong mùa mưa hằng năm, giúp cải thiện mực nước ở các hồ chứa thủy điện và việc huy động từ các nguồn này. Bên cạnh đó, về dài hạn chúng tôi vẫn giữ quan điểm tích cực dựa theo định hướng phát triển trong QHĐ8, trong việc chú trọng phát triển NLTT, nhất là điện gió và các nguồn giảm thải khí cac-bon như điện khí và xây dựng hạ tầng đồng bộ theo.

Triển vọng ngành

Ngành:	CHĂM SÓC SỨC KHỎE	Phân ngành:	DƯỢC PHẨM	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	DHG, IMP, DBD, DMC, TRA, MKP, PMC
--------	-------------------	-------------	-----------	----------------------	-----------	---------------------	-----------	---------------	-----------------------------------

Tổng quan ngành

- Việt Nam được xếp vào nhóm những nước có ngành dược mới nổi.
- Phần lớn các nhà sản xuất dược phẩm tại Việt Nam tham gia vào thị trường tân dược. Sản phẩm được sản xuất nhiều nhất ở các công ty này là thuốc generic (nhưng thường không phải là các thế hệ đầu tiên hoặc có giá trị cao), trong khi các thuốc bản quyền (patent) và thuốc đặc trị thường là thương hiệu nước ngoài.
- Nhập khẩu nguyên liệu và cả thuốc thành phẩm chiếm tỷ trọng quan trọng. Pháp, Ấn Độ, Đức, v.v nằm trong số những nước xuất khẩu thuốc lớn nhất vào Việt Nam trong khi nguyên vật liệu được nhập nhiều nhất từ Trung Quốc và Ấn Độ.
- Phân phối dược phẩm tại Việt Nam được thực hiện thông qua 2 kênh, gồm kênh bệnh viện (thông qua hình thức đấu thầu) và kênh nhà thuốc. Ở kênh nhà thuốc, bên cạnh các cửa hàng thuốc nhỏ lẻ truyền thống, nhiều chuỗi cửa hàng dược phẩm như An Khang, Pharmacity, Long Châu bắt đầu được mở rộng khá nhanh với mục tiêu chiếm lĩnh thị phần nhất định trên thị trường bán lẻ dược phẩm còn phân mảnh.
- WHO-GMP hiện là tiêu chuẩn sản xuất phổ biến nhất tại Việt Nam. Tuy nhiên, thuốc generic được sản xuất theo chứng chỉ cao hơn (như EU-GMP, PIC/S-GMP, v.v...) với các tiêu chuẩn kỹ thuật chặt chẽ hơn có thể giành được mức giá tốt hơn, khả năng trúng thầu cao hơn và đáp ứng các yêu cầu xuất khẩu. Số lượng cơ sở sản xuất dược phẩm tại Việt Nam đạt tiêu chuẩn EU-GMP, PIC/S-GMP hiện vẫn còn khá khiêm tốn.

Triển vọng

- Với bức tranh dài hạn hơn, tăng trưởng ngành có thể được hỗ trợ bởi các yếu tố như kinh tế phát triển, thu nhập tăng, dân số lớn bắt đầu có dấu hiệu già hóa cộng với các vấn đề sức khỏe phát sinh do môi trường và quá trình công nghiệp hóa. Tuy nhiên, làm thế nào để đưa ra các loại thuốc generic mới một cách nhanh chóng, gia tăng tỷ lệ thuốc có giá trị cao và nâng cao niềm tin của người tiêu dùng cũng như khả năng cạnh tranh có thể sẽ là thách thức cho các nhà sản xuất trong nước.

Trụ sở chính

Tầng 3, Tòa nhà Léman, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

Tel: (+84 28) 7300 7000

Fax: (+84 28) 7300 375

Website: www.acbs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

10 Phan Chu Trinh Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (+84 24) 3942 9395

Fax: (+84 24) 3942 9407

PHÒNG PHÂN TÍCH

Giám đốc phân tích - Bất động sản

Phạm Thái Thanh Trúc

(+84 28) 7300 7000 (x1043)

trucptt@acbs.com.vn

Giám đốc Phân tích - Tài chính

Cao Việt Hùng

(+84 28) 7300 7000 (x1049)

hungcv@acbs.com.vn

Giám đốc Phân tích - Bán lẻ

Lương Thị Kim Chi

(+84 28) 7300 7000 (x1042)

chiltk@acbs.com.vn

CVPT - Dầu khí

Phan Việt Hưng

(+84 28) 7300 7000 (x1044)

hungpv@acbs.com.vn

CVPT - Năng lượng

Phạm Đức Toàn

(+84 28) 7300 7000 (x1051)

toanpd@acbs.com.vn

CVPT - Vật liệu xây dựng

Huỳnh Anh Huy

(+84 28) 7300 7000 (x1048)

huyha@acbs.com.vn

CVPT - Hàng tiêu dùng, Công nghệ

Trần Nhật Trung

(+84 28) 7300 7000 (x1045)

trungtn@acbs.com.vn

CVPT - Phân tích kỹ thuật

Lương Duy Phước

(+84 28) 7300 7000 (x1047)

phuocld@acbs.com.vn

NVPT - Phân tích kỹ thuật

Võ Phú Hữu

(+84 28) 7300 7000 (x1052)

huvvp@acbs.com.vn

CVPT - Phái sinh, Vĩ mô

Trịnh Viết Hoàng Minh

(+84 28) 7300 7000 (x1046)

minhtvh@acbs.com.vn

CVPT - Chiến lược, Vĩ mô

Nguyễn Thị Hòa

(+84 28) 7300 7000 (x1050)

hoant@acbs.com.vn

Nguyên Tắc Khuyến Nghị

MUA: nếu giá mục tiêu cao hơn 15% hoặc hơn (bao gồm suất sinh lợi cố tức) so với giá thị trường.

GIỮ: nếu giá mục tiêu trong khoảng -15% và 15% (bao gồm suất sinh lợi cố tức) so với giá thị trường.

BÁN: nếu tổng tỷ suất sinh lợi 12 tháng (bao gồm cổ tức) thấp hơn -15%.

Xác Nhận Của Chuyên Viên Phân Tích

Chúng tôi, các tác giả của bản báo cáo phân tích này, xác nhận rằng (1) các quan điểm được trình bày trong bản báo cáo phân tích này là của chúng tôi (2) chúng tôi không nhận được bất kỳ khoản thu nhập nào, trực tiếp hoặc gián tiếp, từ các khuyến nghị hoặc quan điểm được trình bày đây.

Công Bố Thông Tin Quan Trọng

ACBS và các tổ chức có liên quan của ACBS (sau đây gọi chung là ACBS) đã có hoặc sẽ tiến hành các giao dịch theo giấy phép kinh doanh của ACBS với các công ty được trình bày trong bản báo cáo phân tích này. Danh mục đầu tư trên tài khoản tự doanh chứng khoán của ACBS cũng có thể có chứng khoán do các công ty này phát hành. Vì vậy nhà đầu tư nên lưu ý rằng ACBS có thể có xung đột lợi ích ở bất kỳ thời điểm nào.

ACBS phát hành nhiều loại báo cáo phân tích, bao gồm nhưng không giới hạn ở phân tích cơ bản, phân tích cổ phiếu, phân tích định lượng hoặc phân tích xu hướng thị trường. Các khuyến nghị trên mỗi loại báo cáo phân tích có thể khác nhau, nguyên nhân xuất phát từ sự khác biệt về thời hạn đầu tư, phương pháp phân tích áp dụng và các nguyên nhân khác.

Tuyên Bố Miễn Trách Nhiệm

Bản báo cáo phân tích này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, ACBS không cung cấp bất kỳ bảo đảm rõ ràng hay ngụ ý nào và không chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các thông tin chứa đựng trong báo cáo cho một mục đích sử dụng cụ thể. ACBS sẽ không xem những người nhận báo cáo, không nhận trực tiếp từ ACBS, là khách hàng của ACBS. Giá chứng khoán được trình bày trong kết luận của báo cáo (nếu có) chỉ mang tính tham khảo. **ACBS không đề nghị hoặc khuyến khích nhà đầu tư tiến hành mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào dựa trên báo cáo này.** ACBS, các tổ chức liên quan của ACBS, ban quản lý, đối tác hoặc nhân viên của ACBS sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ (a) các thiệt hại trực tiếp, gián tiếp; hoặc (b) các khoản tổn thất do mất lợi nhuận, doanh thu, cơ hội kinh doanh hoặc các khoản tổn thất khác, kể cả khi ACBS đã được thông báo về khả năng xảy ra thiệt hại hoặc tổn thất đó, phát sinh từ việc sử dụng bản báo cáo phân tích này hoặc thông tin trong đó. Ngoài các thông tin liên quan đến ACBS, các thông tin khác trong bản báo cáo này được thu thập từ các nguồn mà ACBS cho rằng đáng tin cậy, tuy nhiên ACBS không bảo đảm tính đầy đủ và chính xác của các thông tin đó. Các quan điểm trong báo cáo có thể bị thay đổi bất kỳ lúc nào và ACBS không có nghĩa vụ cập nhật các thông tin và quan điểm đã bị thay đổi do cho nhà đầu tư đã nhận báo cáo này.

Bản báo cáo có chứa đựng các giả định, quan điểm của chuyên viên phân tích, tác giả của báo cáo, ACBS không chịu trách nhiệm cho bất kỳ sai sót nào của họ phát sinh trong quá trình lập báo cáo, đưa ra các giả định, quan điểm. Trong tương lai, ACBS có thể sẽ phát hành các bản báo cáo có thông tin mâu thuẫn hoặc thậm chí có nội dung kết luận đi ngược lại hoàn toàn với bản báo cáo này. Các khuyến nghị trong bản báo cáo này hoàn toàn là của riêng chuyên viên phân tích, các khuyến nghị đó không được đưa ra dựa trên các lợi ích của bất kỳ cá nhân tổ chức nào, kể cả lợi ích của ACBS. Bản báo cáo này không nhằm đưa ra các lời khuyên đầu tư cụ thể, cũng như không xem xét đến tình hình và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư nào, những người nhận bản báo cáo này. Vì vậy các chứng khoán được trình bày trong bản báo cáo có thể không phù hợp với nhà đầu tư. ACBS khuyến nghị rằng nhà đầu tư nên tự thực hiện đánh giá độc lập và tham khảo thêm ý kiến chuyên gia khi tiến hành đầu tư. Giá trị và thu nhập đem lại từ các khoản đầu tư có thể thay đổi hàng ngày tùy theo thay đổi của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Các kết luận trong báo cáo không nhằm tiên đoán thực tế do đó nó có thể khác xa so với thực tế, kết quả đầu tư của quá khứ không bảo đảm cho kết quả đầu tư của tương lai.

Bản báo cáo này có thể không được phát hành rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng hay được sử dụng, trích dẫn bởi các phương tiện thông tin đại chúng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của ACBS. Việc sử dụng không có sự đồng ý của ACBS sẽ bị xem là bất hợp pháp và cá nhân, tổ chức vi phạm có nghĩa vụ bồi thường mọi thiệt hại, tổn thất (nếu có) đã gây ra cho ACBS từ sự vi phạm đó.

Trong trường hợp quốc gia của nhà đầu tư nghiêm cấm việc phân phối hoặc nhận các báo cáo phân tích như thế này thì nhà đầu tư cần hủy bản báo cáo này ngay lập tức, nếu không nhà đầu tư sẽ hoàn toàn tự chịu trách nhiệm.

ACBS không cung cấp dịch vụ tư vấn thuế và không nội dung nào trong bản báo cáo này được xem như có nội dung tư vấn thuế. Do đó khi liên quan đến vấn đề thuế, nhà đầu tư cần tham khảo ý kiến của chuyên gia dựa trên tình hình và điều kiện tài chính cụ thể của nhà đầu tư.

Bản báo cáo này có thể chứa đựng các đường dẫn đến trang web của bên thứ ba, ACBS không chịu trách nhiệm đối với nội dung trên các trang web này. Việc đưa đường dẫn chỉ nhằm mục đích tạo sự thuận tiện cho nhà đầu tư trong việc tra cứu thông tin; do đó nhà đầu tư hoàn toàn chịu các rủi ro khi truy cập các trang web này.

© Copyright ACBS (2023). Mọi quyền sở hữu trí tuệ và quyền tác giả là của ACBS và/hoặc chuyên viên phân tích, Bản báo cáo phân tích này không được phép sao chép, toàn bộ hoặc một phần, khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của ACBS.